

Những thắng lợi lớn về củng cố quan hệ sản xuất mới có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt. Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã cũng còn nhiều tồn tại, nhất là ý thức làm chủ tập thể của xã viên chưa được đề cao đúng mức; quy mô hợp tác xã ngày càng mở rộng song cơ sở vật chất và kỹ thuật của hợp tác xã còn quá yếu; trình độ quản lý tuy có tiến bộ nhưng còn yếu về quản lý lao động, phân công và sử dụng lao động, quản lý tài vụ. Tình trạng tham ô, lợi dụng của công diễn ra khá phổ biến. Việc hợp nhất các hợp tác xã còn nhiều tồn tại cần tiếp tục giải quyết. Cán bộ quản lý hợp tác xã thay đổi nhiều, trình độ có hạn, không theo kịp với quy mô hợp tác xã ngày càng lớn, không giải quyết được tình trạng mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi.

Trong năm 1966 cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 2 (lần II)<sup>(1)</sup> đã được mở rộng ở 534 hợp tác xã thuộc 7 huyện vùng trọng điểm lúa, nói chung đạt yêu cầu. Các cấp ủy Đảng đã coi trọng công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao ý thức làm chủ tập thể cho xã viên, tập trung sức đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, kết hợp chặt chẽ hơn nữa giữa hợp tác hóa và thủy lợi hóa đồng thời tăng cường khâu cải tiến quản lý lao động và công tác tổ chức xây dựng Đảng. Quan hệ sản xuất mới ở nông thôn đã được củng cố hoàn thiện thêm một bước; lực lượng mọi mặt của hợp tác xã được tăng cường.

Tháng 9 năm 1967, cải tiến đợt 3 (lần II) được tiến hành ở 181 cơ sở thuộc 58 xã vùng chiêm trũng đang được cải tạo gồm các huyện Ý Yên, Vụ Bản, Thanh Liêm, Kim Bảng.

---

(1) Theo NQ ngày 19-2-1963 của Bộ Chính trị. Tỉnh ủy đã chỉ đạo tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đợt 1 (lần II) trong năm 1965.

Tuy nhiên cải tiến quản lý hợp tác xã đợt 3 (lần II) đã thực hiện từng phần với chủ trương "*Tiến công vùng chiêm trũng*" nhằm khắc phục một bước những mặt non yếu, tạo điều kiện đưa nông nghiệp, nông thôn vùng chiêm trũng tiến lên mạnh mẽ và đồng đều, nhanh chóng tiến kịp sự phát triển của nông nghiệp trong tỉnh.

Đánh giá về kết quả đợt này, Hội nghị Tỉnh ủy hợp đã cho rằng, nhiều hợp tác xã tuy bình quân ruộng đất cao, nhưng thổ nhưỡng phức tạp, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, thủy lợi chưa hoàn chỉnh, sức kéo thiếu, lao động trẻ khỏe quá ít nên thời vụ sản xuất thường không bảo đảm và phụ thuộc nặng vào tự nhiên. Những nhận thức chưa đúng trong chỉ đạo thiết kế và xây dựng mô hình hợp tác xã cùng với tư tưởng nóng vội, chạy theo phong trào, say sưa với thành tích nên đã bỏ qua những mâu thuẫn phát sinh trong hợp tác xã. Việc chuyển hàng loạt hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, tập thể hóa ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của nông dân trong khi các điều kiện về tiền đề chưa chín muồi đã làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong mô hình hợp tác hóa nông nghiệp. Các khó khăn do chiến tranh gây ra cộng với những tồn tại của phong trào đã làm cho nông nghiệp bước vào một giai đoạn sản xuất giảm sút. Quá trình chuyển hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, từ quy mô thôn lên quy mô toàn xã cộng với việc xây dựng hàng loạt cơ sở vật chất kỹ thuật không tính đến hiệu quả đã làm tăng chi phí sản xuất. Vốn tài sản hợp tác xã bị mất mát, hao hụt lớn, kinh tế hợp tác xã suy yếu nhiều.

Kết quả cải tiến quản lý đợt 3 (lần II) tính đến hết năm 1967 :

- Hợp tác xã nông nghiệp đã thu hút trên 93% hộ nông dân lao động ; Trong đó có 85% hộ gia đình; 63,9% số hợp tác xã có quy mô từ 101 ha trở lên; 96% hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao.

- Số hợp tác xã kém từ 25,8% giảm xuống còn 12,7%; 69/103 hợp tác xã có vấn đề tham ô, lợi dụng đã được giải quyết.

- Bón 8,8 tấn phân các loại/ha, bảo đảm mỗi lao động có 2 công cụ thường, 2 ha lúa có một cào cỏ cải tiến, 3 ha gieo trồng có 1 xe cải tiến ; 6,4% diện tích canh tác được cày bằng máy ; 49,5% hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ; 33% hợp tác xã có tổ rèn, mộc.

- Mục tiêu 5 tấn thóc, 2 con lợn và 1 lao động/ha chưa được coi là một thể thống nhất và là biểu hiện của năng suất lao động ; vì vậy mới có 46% diện tích cấy lúa đạt mục tiêu 5 tấn ; 1,7 con lợn ; 1,8 lao động/ha.

Với những công sức phấn đấu của quần chúng và được sự giúp đỡ tích cực của Nhà nước từ nhiều năm trước đây, nhất là từ sau cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã lần I, tình hình mọi mặt ở vùng đồng chiêm trũng đã và đang có những chuyển biến tiến bộ. Qua phong trào thủy lợi mạng lưới đại, trung, tiểu thủy nông đang từng bước hình thành ; phân bón có tăng hơn, công tác cải tạo giống bước đầu được chú ý. Một số hợp tác xã đã đi vào thực hiện phương hướng thâm canh kết hợp với tăng vụ và từng bước đưa sản xuất tiến lên phát triển toàn diện có kết quả. Những điển hình thâm canh đạt năng suất cao và chuyển cây màu đã xuất hiện, mở ra triển vọng mới cho khai thác tiềm lực của vùng đồng chiêm.

Năm 1968, sau khi đã tổng kết đợt 3 (lần II), Tỉnh ủy đã tiến hành đợt 4 (lần II) ở 304 hợp tác xã còn lại

thuộc 105 xã của 8 huyện. Đây là đợt gặp khá nhiều khó khăn vì số hợp tác xã nhiều, địa bàn rộng, đặc điểm phức tạp, có tới 50% chi bộ và 40% hợp tác xã kém nát. Tuy nhiên, nhờ có những kinh nghiệm của các đợt làm trước, nhất là của đợt 3 nên Tỉnh ủy đã quyết tâm chỉ đạo làm đợt 4 với khí thế mới thực hiện kế hoạch 3 năm xây dựng kinh tế địa phương, chuẩn bị cho cuộc vận động dân chủ sau đó. Kết quả là 70/73 hợp tác xã kém nát có chiều hướng vươn lên. Đã có 35/99 hợp tác xã nhập xong tư liệu sản xuất và nhiều nơi đã xác định địa phương hướng sản xuất; quy định rõ vùng màu, vùng lúa. Đến hết năm 1968, toàn tỉnh đã hoàn thành cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã lần II với kết quả: 93,8% hộ nông dân tham gia hợp tác xã; 96,9% ruộng đất được công nhũ, hóa; hầu hết các hợp tác xã đã lên bậc cao; số hợp tác xã có quy mô 100 ha trở lên chiếm 77,2%.

Song cơ sở vật chất kỹ thuật và năng suất lao động trong các hợp tác xã còn quá thấp. Chỉ đạo non kém, nhất là trong xác định phương hướng sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Khả năng của vùng trọng điểm lúa chưa được khai thác. Tiềm lực của vùng chiêm trũng tận dụng chưa nhiều. Vùng màu, vùng cây công nghiệp, vùng bán sơn địa không được quan tâm đúng mức.

Mặc dù còn nhiều vấn đề cần được đánh giá, xem xét nhưng cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật đã góp phần làm cho "quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn đã được củng cố, hoàn thiện thêm một bước, ngày càng phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới đối với sản xuất, chiến đấu và tổ chức cuộc sống, cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường,

*nhất là thủy lợi, phân bón ; phong trào cải tiến kỹ thuật, đảm bảo thời vụ, thực hiện thâm canh - nhất là thâm canh cây lúa có nhiều tiến bộ ; trên một số khâu như bèo dậu, diên thanh, đổi giống mới, gieo mạ luống, cấy thẳng hàng... đã và đang trở thành phong trào quần chúng rộng rãi”<sup>(1)</sup>*

Quan hệ sản xuất theo hướng tập trung cao độ, kinh tế tập thể đã giữ một vị trí rất quan trọng đối với đời sống xã hội lúc bấy giờ và ngày càng được củng cố để hoàn thiện hơn; đã từng bước phát huy được tác dụng trong nhiều lĩnh vực. Cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật ở góc độ nào đó đã đạt được yêu cầu đặt ra.

Trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, khu vực Hà Nam là một hướng chiến lược quan trọng với một hệ thống đường sắt, đường bộ và đường thủy mà điểm nút là thị xã Hà Nam - yết hầu của trục giao thông chiến lược và cửa ngõ phía nam của thủ đô Hà Nội. Ngay từ những trận đánh mở đầu cuối tháng 5-1965, địch đã tập trung bom đạn giội xuống hàng loạt địa điểm cầu đường. Để giữ vững mạch máu giao thông trong điều kiện bị địch đánh phá ác liệt, ngành giao thông của tỉnh đã tập trung xây dựng thêm 10 bến phà mới, 500 mét cầu phao gỗ, 270 mét cầu phao thuyền tre Cầu Đoan Vĩ thuộc địa phận Hà Nam, nằm trên Quốc lộ 1A - tuyến đường lớn nối liền hậu phương với tiền tuyến, bị địch đánh phá ác liệt, được ngành giao thông vận tải của tỉnh mạnh dạn nghiên cứu và thiết kế làm cầu phao hoàn toàn bằng gỗ thay thế, đảm bảo hàng ngàn chuyến xe qua lại mỗi ngày.

---

(1) NQ ĐHĐB tỉnh Đảng bộ Nam Hà lần thứ nhất - tr 4.

Nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn ra tiền tuyến lớn và làm suy yếu tiềm lực của các địa phương, ngày 9-7-1965, địch tiếp tục đánh cầu Đuan Vi, cầu Gián Khẩu cùng nhiều cầu phà, các phương tiện vận tải trên sông, trên bộ. Đến ngày 15-7 địch tập trung máy bay thả nhiều bom cỡ lớn, bắn nhiều tên lửa để phá băng được cầu Đuan Vi.

Chiến tranh đã ngày càng trở nên ác liệt. Ngoài việc chủ động sơ tán nhân dân về vùng nông thôn, chỉ đạo việc đào hầm hố phòng tránh, Thị ủy Hà Nam còn cùng với các cơ quan của tỉnh chỉ đạo việc di chuyển các cơ sở công nghiệp đóng trên địa bàn như Nhà máy điện Phủ Lý, Xi nghiệp cơ khí nông cụ Hà Nam, Xưởng sửa chữa canô - ô tô Hà Nam, Xi nghiệp đóng thuyền 1-5 Hà Nam, Xưởng gỗ kiến trúc Hà Nam, Cửa hàng may Phủ Lý, Trạm nhuộm Phủ Lý, Trạm bông sợi Phủ Lý, Xưởng bánh kẹo Hà Nam, Lò mổ Phủ Lý, Xi nghiệp miến Phủ Lý, Xi nghiệp bánh mỳ Phủ Lý, Xưởng in Hà Nam và Xi nghiệp dược phẩm Hà Nam. Các huyện cũng có kế hoạch phân tán hoặc bảo vệ các cơ sở sản xuất của mình như hợp tác xã ngôi Bình Lục, hợp tác xã ngôi Duy Tiên, Xi nghiệp đá Kiện Khê, Xi nghiệp giấy Sông Châu, Xưởng gỗ Vinh Trụ, Xi nghiệp đường Vinh Trụ. Ngày 7-12-1965, Tỉnh ủy có chỉ thị giao hẳn các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp ở thành phố, thị xã sơ tán về nông thôn cho các huyện quản lý.

Địch vẫn tiếp tục đánh phá dữ dội, trong quý III-1965 chúng cho 1.662 tốp máy bay thâm nhập đánh phá - trong đó có 16 lần đánh vào giao thông vận tải. Nhân dân hai huyện Kim Bảng, Duy Tiên đã tham gia sửa chữa, đắp mới được hàng chục ngàn mét khối đất và hàng

chục km đường. Tháng 10-1965, địch cho 201 tốp máy bay và tháng 11-1965 có 303 tốp đánh phá quốc lộ 1A, đường 10 và 21. Thị xã Hà Nam bị địch oanh tạc 6 lần, có trận kéo dài trên 1 tiếng đồng hồ.

Sau 7 tháng (từ 22-5 đến 4-12-1965) đánh vào hàng trăm mục tiêu, địch tạm thời ngừng đánh phá nhưng vẫn cho máy bay trình sát tiến hành chiến tranh tâm lý, gây chú quan và tăng cường thủ đoạn hòa bình bịp bợm. Qua 78 ngày tạm yên, đến 13-3-1966, địch tiếp tục đánh phá trở lại với mức độ ngày càng dày đặc (số trận đánh tăng gấp 5.53 lần so với năm 1965). Phạm vi ngày càng rộng (từ 75 xã lên 182 xã, gấp 2,43 lần so với năm 1965); tính chất ngày càng ác liệt (bom gấp 72 lần, tên lửa gấp 9 lần với đủ cả bom phá, bom bi, bom nổ chậm, bom cháy, bom nổ trên không).

Như vậy, mức độ đánh phá của địch đã trở nên rất ác liệt và tập trung ở khu tam giác (thị xã Hà Nam, thành phố Nam Định, thị xã Ninh Bình) - trong đó trọng điểm là thị xã Hà Nam bị đánh liên tục, dứt điểm và mang tính chất hủy diệt. Tháng 6-1966, chúng đánh vào thị xã liên tiếp 4 ngày đêm liền. Ngày 1-8-1966, địch đánh thị xã và 17 điểm phụ cận - riêng thị xã Hà Nam chúng dùng 30 lần chiếc, thả trên 1.000 quả bom. Về sau thủ đoạn đánh phá của địch ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn (bay bổ nhào góc lớn hoặc góc nhỏ, đánh nhỏ là chủ yếu, thậm chí chỉ dùng 1 máy bay đánh vào thị xã, Đồng Văn, Cầu Sắt). Đánh ở độ cao trung bình 1.500 - 2.500 mét, tăng cường đánh đêm. Có những tháng, địch đánh đến 144 trận (10-1966), 153 trận (1-1967) bằng những thủ đoạn ngày càng thâm độc hơn (đánh vào đê điều

tăng gấp 11 lần ; kho tàng kinh tế tăng gấp 6,3 lần ; đánh vào dân cư tăng gấp 6 lần). Ngoài ra chúng còn thả hàng tâm lý chiến (đài, quần áo) và truyền đơn ở nhiều nơi.

Đánh phá giao thông, ngăn chặn chi viện là mục tiêu chiến lược của địch. Giao thông vận tải trong chiến tranh phá hoại là trận chiến ác liệt, là nhiệm vụ trung tâm chiến lược của toàn Đảng, toàn dân. Nhân dân đã trở thành lực lượng hùng hậu tại chỗ sẵn sàng khắc phục mọi hậu quả của đạn bom. Sự góp sức của các đội công binh nhân dân, các đội vận chuyển và bốc xếp hàng hóa đã hình thành lực lượng xung kích làm nhiệm vụ cảnh giới báo động, tháo gỡ bom mìn, san lấp hố bom, sửa chữa đường sá, vận chuyển hàng hóa. Ở những trọng điểm giao thông (Đoan Vĩ, Gián Khẩu, thị xã Hà Nam), đã có sự kết hợp chặt chẽ giữa các đội công binh nhân dân, các đội Thanh niên xung phong với các đơn vị bộ đội cao xạ chiến đấu bảo vệ mục tiêu, các đội chuyên đảm bảo giao thông để khắc phục hậu quả, giải phóng mặt đường. Dựa vào lực lượng và nguyên liệu tại chỗ của nhân dân là chính, phát huy khả năng của địa phương đi đôi với tăng cường lực lượng, phương tiện của Nhà nước đã tạo nên sức mạnh tổng hợp. Khi các cầu Đoan Vĩ, Gián Khẩu trên tuyến Quốc lộ 1A bị đánh hỏng, hệ thống phà vượt sông không đáp ứng lực lượng xe qua (1.000 - 1.500 chiếc/ngày), từ kinh nghiệm của Ty Giao thông Nam Hà và Phòng Công binh Quân khu Hữu nghị bắc cầu phao bằng tre bương, thuyền gỗ tại bến Cầu Tử (Duy Tiên) và Hồng Phú (thị xã Hà Nam) từ đầu năm 1965, hàng loạt cầu phao đã ra đời trên tất cả các tuyến đường. Dọc Quốc lộ 1A, nhân dân đã được huy động dự trữ hàng triệu mét khối đất đá. Mỗi khi cầu đường bị đánh phá hỏng, các xã và khu



phổ đã trực tiếp huy động lực lượng, phương tiện của nhân dân san lấp mặt đường, lấp hố bom, đảm bảo cho xe thông suốt, kịp thời khắc phục được hậu quả sau mỗi trận địch đánh phá, bảo đảm giao thông thông suốt ; thể hiện sinh động quan điểm chiến tranh nhân dân, quan điểm quần chúng của Đảng trên mặt trận vận tải.

Các cấp ủy Đảng đã chỉ đạo sát sao công tác phòng chống máy bay địch. Xung quanh ga, bến phà, cầu cầu được triệt để sơ tán người, phân tán các kho tàng thành nhiều điểm, tập trung vật tư và phương tiện kỹ thuật ; tổ chức thêm cầu, bến dự phòng và một lực lượng mạnh gồm 47 trận địa pháo cao xạ (kể cả trận địa của dân quân tự vệ) để bảo vệ mục tiêu giao thông. Thời gian khó khăn nhất (1965 - 1966) lực lượng vũ trang địa phương đã đảm nhiệm việc bảo đảm giao thông trong những chốt quan trọng như thị xã Hà Nam, cầu Gián Khẩu. Nhờ kết hợp tốt việc sử dụng lực lượng tại chỗ và cơ động nên thị xã Hà Nam khắc phục nhanh mặt đường, bảo đảm được giao thông thông suốt trong mọi tình huống. Dựa vào sức mạnh và đông viên toàn dân, lấy dân quân tự vệ làm nòng cốt nên địa phương đã đáp ứng được yêu cầu phục vụ khẩn trương cho tiền tuyến. Ngay từ những năm đầu, các hợp tác xã trong tỉnh đã dành nhiều ruộng đất làm hàng trăm trận địa, đã bỏ ra 3 triệu ngày công, đào đắp hàng triệu mét khối đất đá cho trận địa, đường sá và công trình quốc phòng. Chỉ một xã nhỏ như Phù Vân, nhân dân đã dành đất làm tới 12 trận địa pháo cho các đơn vị bộ đội về chiến đấu bảo vệ thị xã Hà Nam.

Giữa bom rơi đạn nổ, các chiến sĩ tham gia bảo vệ thị xã Hà Nam vẫn thể hiện được tinh thần ngoan cường,

dũng cảm của mình trong chiến đấu và hợp đồng tác chiến giữa bộ đội với các đơn vị dân quân Tiên Hòa (Duy Tiên), Phù Vân (Kim Bảng). Các đơn vị bộ đội địa phương trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ cầu Phủ Lý, cầu Gián Khẩu đã độc lập bắn rơi 1 máy bay Mỹ, phối hợp tác chiến hạ 4 chiếc khác. Đơn vị bảo vệ cầu phà Đuan Vi đã không để xảy ra sự cố, được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba.

Từ thực tế xây dựng phương án tác chiến của cơ sở trong năm 1965, Tỉnh ủy đã có các Nghị quyết về xây dựng làng chiến đấu nhằm phát động toàn dân đánh địch bằng nhiều cách và trên nhiều phương diện khác nhau. Qua 4 tháng thực hiện, Tỉnh ủy đã quyết định nhân rộng kinh nghiệm xây dựng làng chiến đấu theo mô hình Xuân Khê (Lý Nhân) và đã triển khai được 155 làng thuộc các vùng trong tỉnh, đảm bảo được sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng, đông đảo quần chúng giác ngộ cao, cơ sở hậu cần vững chắc, lực lượng dân quân tự vệ đủ mạnh, chính quyền vững vàng, địa hình được cải tạo phù hợp với yêu cầu tác chiến.

Để thực hiện tốt hơn đường lối quốc phòng toàn dân, Đảng bộ không ngừng quan tâm củng cố lực lượng quân sự địa phương và coi đó là lực lượng chiến lược trong chiến tranh nhân dân. Tính bình quân toàn tỉnh, đã có 12% dân số có mặt trong các đơn vị dân quân, tự vệ. Chất lượng về chính trị, tư tưởng và trình độ kỹ thuật chiến thuật đều được nâng cao. Trong thực tiễn của phong trào thi đua *Quyết thắng*, dân quân tự vệ đã phát huy khá tốt vai trò xung kích trên các lĩnh vực sản xuất, chiến đấu, bảo đảm giao thông, bảo đảm trị an. Đồng thời,

Đảng bộ đã từng bước chú trọng xây dựng, củng cố lực lượng bộ đội địa phương và công an vũ trang cả về tư tưởng, tổ chức, trang bị và nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật. Để bổ sung cho lực lượng thường trực, đáp ứng nhu cầu chi viện cho tiền tuyến lớn, các đợt tuyển quân đều hoàn thành tốt cả về số lượng, chất lượng và thời gian, đặc biệt tỷ lệ động viên thanh niên theo đạo Thiên chúa tham gia bộ đội ngày một cao hơn. Việc chấp hành nghĩa vụ quân sự đã trở thành phong trào "*Có lệnh là đi, ra đi là đi và đánh thắng*".

Tháng 9-1965, 6 đơn vị dân quân của Hà Nam được tặng thưởng danh hiệu *Đơn vị Quyết thắng*, đó là dân quân xã Liêm Trục, dân quân thôn Chanh Thượng xã Liên Minh (Thanh Liêm); dân quân xã Nguyễn Bình, trung đội nữ thôn Bùi xã Trịnh Xá (Bình Lục); dân quân xã Đồi Sơn (Duy Tiên); trung đội Tiến Thắng xã Nhân Phúc (Lý Nhân) và trung đội tự vệ hợp tác xã cơ khí Quyết Tiến (thị xã Hà Nam).

Trong chiến đấu, Đảng bộ chú trọng chỉ đạo kết hợp giữa ba thứ quân một cách chặt chẽ; động viên mọi nguồn tài lực, vật lực và công sức rất lớn của đông đảo quần chúng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu; sớm phát động được phong trào dân quân dùng súng bộ binh bắn rơi máy bay Mỹ, cả ban đêm lẫn ban ngày.

Bước vào năm 1967, địch liên tục đánh phá ngày đêm vào thị xã Hà Nam, các trục giao thông quan trọng bằng nhiều thủ đoạn xảo quyệt, tinh vi nhằm làm tê liệt tuyến vận chuyển từ hậu phương ra tiền tuyến, ngăn chặn ta cơ động lực lượng từ phía nam về bảo vệ thủ đô. Chỉ tính riêng trong quý III-1967, địch đã huy động 856 lần chiếc

máy bay đánh 261 trận - trong đó có 13 trận đánh vào ban đêm, vào giao thông vận tải tăng 16,2%, khu dân cư tăng 63%, khu kinh tế tăng 29% và quân sự tăng 45%. Đến đầu xuân 1968, khi quân dân miền Nam tấn công mạnh mẽ trên khắp chiến trường thì việc đánh phá của địch mới giảm xuống.

Ngày 31-3 1968, địch phải tuyên bố thu hẹp phạm vi ném bom từ vĩ tuyến 19 trở vào - tức là tập trung đánh "vùng cán xoong". Ở Hà Nam, địch ngừng bắn phá nhưng vẫn tăng cường trinh sát bằng máy bay, nhất là máy bay không người lái. Thắng lợi to lớn của quân dân 2 miền Nam - Bắc càng làm cho đế quốc Mỹ bẽ tắc về vấn đề Việt Nam và ngày 1-11-1968 chúng buộc phải chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc. Đảng bộ và nhân dân Nam Hà "vừa hết lòng chi viện cho tiền tuyến, vừa tranh thủ củng cố, xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa phương cá trước mắt và lâu dài; phát huy vai trò nòng cốt, xung kích của dân quân tự vệ, khắc phục hậu quả chiến tranh; nòng cốt trong sản xuất, chống bão lụt, giữ gìn trật tự trị an".

Trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo, Đảng bộ còn chú trọng đến lĩnh vực đấu tranh chống phản cách mạng, giữ vững an ninh. Công tác tập trung cải tạo và cải tạo tại chỗ được tiến hành thường xuyên. Việc xây dựng cơ sở vùng xung yếu, công tác trinh sát tình hình địch có nhiều tiến bộ. Một số tổ chức phản động vừa mới nhen nhóm kịp thời bị dập tắt; đặc biệt đã ngăn chặn, hạn chế và làm thất bại nhiều âm mưu phá hoại của bọn phản động đội lốt tôn giáo. Đồng thời, Đảng bộ cũng nhận định, đi đôi với việc dùng máy bay bắn phá các địa

bàn trong tỉnh với mức độ ngày càng ác liệt và tăng cường hoạt động chiến tranh tâm lý, địch sẽ ráo riết thực hiện âm mưu tung gián điệp, biệt kích, tập kích phá hoại hậu phương của ta. Các vùng rừng núi thuộc Kim Bảng, Thanh Liêm ; dọc đường giao thông chiến lược (1A, 21A) và các quãng đê xung yếu ; địa bàn thị xã ; khu vực đóng quân của bộ đội và nơi có công trình quốc phòng ; các địa phương có trại tam giác cần đặc biệt chú ý. Phải dựa trên cơ sở phát động mạnh mẽ khí thế cách mạng sôi nổi của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh, đề cao cảnh giác, tích cực khẩn trương tiến hành tốt các mặt công tác bảo vệ công cuộc xây dựng kinh tế và văn hóa, bảo vệ quốc phòng, bảo vệ các cơ quan của Đảng và Nhà nước ; giữ vững trật tự an ninh, tăng cường lực lượng quốc phòng và trị an ; chủ động kịp thời đập tan mọi hoạt động tập kích, biệt kích, điều tra tình báo, chiến tranh tâm lý của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Cùng với việc đẩy mạnh các mặt công tác nói trên, thị xã Hà Nam đã nắm chắc những đối tượng nguy hiểm ; quản lý hộ khẩu chặt chẽ ; quản lý vũ khí, chất nổ và chất dễ cháy ; quản lý các nghề nghiệp và cửa hàng mua bán gián điệp thường lợi dụng.

Các thắng lợi và chiến công kể trên đã góp phần tích cực vào việc đánh bại âm mưu chiến lược của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, bảo đảm thực hiện tốt mọi nhiệm vụ chỉ viện tiên tuyến, giữ vững và không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng của địa phương, góp phần làm thất bại về căn bản những hoạt động chiến tranh gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch ; bảo đảm giữ vững an ninh trong mọi tình huống, kể cả những nơi xung yếu và nơi xảy ra chiến sự ác liệt.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, vận dụng đường lối của Đảng vào một tỉnh thuộc vùng trọng điểm lúa, lại có vùng chiêm trũng lớn nhất miền Bắc, trong 4 năm (1965 - 1968) Đảng bộ đã tập trung đẩy mạnh thâm canh cây lúa và từng bước tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển toàn diện. Tranh thủ điều kiện khi gặp thời tiết thuận lợi, dựa vào nỗ lực chủ quan, nhân dân trong tỉnh đã phấn đấu giành được thắng lợi lớn trên mặt trận sản xuất lương thực - trong đó lúa được mua 3 vụ liền với sản lượng và năng suất cao nhất so với những năm trước đó. Mục tiêu 5 tấn thóc/ha có năm đã xuất hiện trên phạm vi rộng lớn, chiếm gần nửa diện tích trồng lúa toàn tỉnh. Vụ mùa năm 1967, 6 huyện phía bắc tỉnh có 16 xã, 66 hợp tác xã đạt 5 tấn thóc/ha trở lên. Vùng chiêm trũng khắc phục nhiều khó khăn, dùng cảm chống thiên tai, từng bước đẩy mạnh thâm canh và mở rộng diện tích tăng vụ.

Trạm bơm Hữu Bị được xây dựng từ tháng 11-1965 bao gồm trạm biên thế, cống, đập, âu thuyền, hệ thống bồi và trạm đất 4 máy bơm có công suất 25.000m<sup>3</sup>/giờ. Khối lượng đào đắp và xây dựng là 180.000m<sup>3</sup> đất, 5.643m<sup>3</sup> bê tông. Trạm đã góp phần quan trọng vào việc cải tạo đồng ruộng của các huyện thuộc khu vực Hà Nam, biến đồng ruộng một vụ thành hai vụ, tạo thuận lợi cho việc đưa giống lúa mới vào sản xuất đại trà.

Sản xuất rau màu ở các huyện chiêm trũng nhờ vậy đã bắt đầu có sự chuyển biến, mở ra triển vọng phát triển nông nghiệp toàn diện trong vùng. So với năm 1965, sản lượng màu năm 1967 tăng 37,1% ; rau tăng 48,5% ; đàn lợn tăng 4,8% - trong đó đàn lợn tập thể tăng gấp 2 lần và chiếm 9,8% tổng đàn lợn. Tham gia vào chiến

dịch trồng cây chống Mỹ cứu nước, nhiều xã đạt bình quân số cây/đầu người cao như Hợp Lý (Lý Nhân) 5,5 cây. Duy Hải (Duy Tiên) 4 cây. Đặc biệt hợp tác xã Trần Xá xã Hòa Lý (Lý Nhân) đạt tới 7 cây.

Trong hoàn cảnh liên tiếp khắc phục những khó khăn về thiên tai địch họa, sản xuất nông nghiệp của địa phương vẫn tiếp tục phát triển, bảo đảm giá trị tổng sản lượng nông nghiệp năm 1967 tăng 12,4% là một thành tích lớn. Song nó vẫn chưa thể hiện đầy đủ đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng. Thâm canh cây lúa tuy có tiến bộ nhưng thiếu toàn diện, ổn định và vững chắc. Còn mất cân đối nghiêm trọng giữa chăn nuôi và trồng trọt. Tỷ lệ rau màu còn thấp; thâm canh cây công nghiệp còn kém; năng suất một số cây công nghiệp chủ yếu như mía, lạc, đậu tương, đậu đỗ giảm sút dần qua các năm. Trong đó mía giảm sút nghiêm trọng. Phong trào trồng cây lấy gỗ, cây dược liệu, cây ăn quả chưa được đẩy mạnh. Chăn nuôi phát triển chậm và có mặt trì trệ; nhất là việc chăm sóc bảo vệ và chăn nuôi trâu bò sinh sản. Chăn nuôi lợn ở nhiều nơi chưa được đẩy mạnh đúng mức, phát triển chưa vững chắc, hiện tượng trống chông còn nhiều và kéo dài. Nguồn lợi về cá, trồng cây, nuôi ong chưa được tận lực khai thác. Chăn nuôi gia cầm giảm sút. Ngành nghề trong nông nghiệp phát triển chưa nhiều; kinh tế phụ gia đình xã viên chưa được coi trọng và chỉ đạo đúng hướng. Nhìn chung vấn đề lương thực đã được giải quyết một bước nhưng do nông nghiệp phát triển thiếu toàn diện nên vẫn chưa bảo đảm vững chắc; vấn đề thực phẩm còn nhiều khó khăn; nông sản hàng hóa còn ít và nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp phát triển.

Đảng bộ đã chú ý giải quyết đúng đắn sự kết hợp giữa củng cố quan hệ sản xuất với đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát động thực hiện 6 phong trào nhằm động viên quần chúng tiến quân mạnh mẽ vào khoa học kỹ thuật; gắn công tác quản lý với thực hiện các biện pháp kỹ thuật; với xây dựng, củng cố các tổ đội chuyên môn và giải quyết các chế độ, chính sách cụ thể trong hợp tác xã.

Những tháng đầu năm 1968, máy bay địch vẫn đánh phá ác liệt. Thêm vào đó là mùa màng khó khăn ập đến, vật tư cung cấp cho sản xuất không đủ. Thời tiết diễn biến vô cùng phức tạp; vụ đông xuân mưa rét kéo dài, đầu vụ mùa hạn hán, tháng 8 và tháng 9 là hai cơn bão liên tiếp gây ra mưa lớn, làm ngập úng 71% diện tích lúa mùa (65.746/91.100 ha, trong đó ngập trắng 31.241 ha). Các huyện Bình Lục, Thanh Liêm, Lý Nhân bị ung nặng từ 70 - 80%. Nhà cửa của dân bị đổ 12.559 ngôi, nhà xưởng công nghiệp và thủ công nghiệp hỏng 554 căn; các bệnh viện bị đổ 471 gian; trường sư phạm 150 gian; các cấp phổ thông trường lớp hỏng tới 80 - 90%. Nhiều người chết, hàng trăm người bị thương, hàng ngàn trâu bò bị cuốn trôi. Trước sự phá hoại ghê gớm của thiên tai địch họa, nhờ tinh thần phấn đấu quyết thắng của nhân dân và sự lãnh đạo sát sao của các cấp ủy Đảng và chính quyền nên đã hạn chế được tác hại và đã giành được một số kết quả. 6 xã đạt năng suất từ 5 - 6 tấn/ha/năm: Nguyễn Lý, Nhân Long, Nhân Tiến, Nhân Hậu (Lý Nhân); Duy Hải, Trác Bút (Duy Tiên). Số hợp tác xã đạt năng suất cao chiếm số lượng đáng kể như các hợp tác xã:



Liên Dục, Hải Long, Trần Xá, Thư Lâu, Phù Nhi, Trung Vinh, Do Đạo, Thanh Nga (Lý Nhân) ; Duy Hải, Trác Bút (Duy Tiên) ; Vĩnh Sơn (Kim Bảng) ; Thượng Thọ, Ô Mễ, Tiên Phong, Phú Hòa, An Lão (Bình Lục).

*Công nghiệp địa phương* qua 3 năm đã có những chuyển hướng kịp thời và tiếp tục phát triển, bước đầu có những đổi mới về cơ cấu, thiết bị và sản phẩm. Năng lực sản xuất được tăng lên rõ rệt, thể hiện được tính chất công nghiệp địa phương thời chiến, phát huy được tiềm lực phục vụ sản xuất, chiến đấu và tiêu dùng. Ngoài việc tập trung khắc phục những khó khăn về vận chuyển, địa điểm, tổ dây chuyên sản xuất thời chiến ; khẩn trương tiến hành việc phân tán, sơ tán nhanh gọn, Đảng bộ còn chỉ đạo bảo vệ và mở rộng cơ sở cũ, từng bước tăng cường thiết bị và xây dựng một số xí nghiệp mới. Đội ngũ công nhân và thợ thủ công được củng cố và ngày càng phát triển.

*Công nghiệp và thủ công nghiệp* ở khu vực Hà Nam phát triển cao về tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp năm 1967 tăng 13,6% so với năm 1965 (tư liệu sản xuất tăng 4,2%, tư liệu tiêu dùng tăng 16,8%). Một số sản phẩm chủ yếu về tư liệu sản xuất như công cụ, máy móc nhỏ, phương tiện vận chuyển tăng khá nhanh. Mạng lưới cơ khí được hình thành, lưới điện được củng cố và mở rộng đã và đang phát huy tác dụng trong việc nâng cao trình độ cơ giới và điện lực góp phần tăng năng suất lao động trong các ngành sản xuất. Các loại tư liệu tiêu dùng như giấy viết, vải, thuốc chữa bệnh đều tăng, có tác dụng hỗ trợ công nghiệp Trung ương, góp phần đáp ứng

nhu cầu chung của cả nước. Nhiều mặt hàng mới như xi măng, đồ gốm, dệt đũi, than, xi măng đã đi vào sản xuất hàng loạt.

Từ một nền công nghiệp vốn mang nặng tính chất gia công, qua 3 năm xây dựng và phát triển trong hoàn cảnh chiến tranh, địa phương đã đi vào khai thác và từng bước xây dựng nguồn nguyên liệu địa phương nhằm giảm dần tính chất gia công và đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ sau này.

Đến năm 1968, các cơ sở cũ còn lại trên địa bàn Hà Nam là Xí nghiệp cơ khí Kim Bảng, Xí nghiệp đá Kiện Khê, Xí nghiệp vôi Kiện Khê, Xí nghiệp đá Núi Bù, Xí nghiệp gỗ Hồng Phú, Xí nghiệp xi măng 3-2, Xí nghiệp xi măng Kim Bảng, Gạch Khả Phong, Giấy Sông Châu, Nước chấm Hà Nam, Đường Vĩnh Trụ, Lò mổ Hà Nam, Than Yên Thủy.

Trong số mấy chục xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh thì Xí nghiệp cơ khí Hà Nam, Xưởng gỗ Hà Nam cùng hàng chục đơn vị khác đã hoàn thành kế hoạch được giao. Ngành cơ khí sản xuất được một khối lượng máy móc đáng kể để phục vụ sản xuất nông nghiệp (máy xay xát, máy vò lúa, máy nghiền thức ăn gia súc, đầu máy bơm, máy bơm hướng trục), phục vụ giao thông vận tải (xà lan vỏ thép, ca nô vỏ gỗ, thuyền gỗ, phao gỗ). Các ngành công nghiệp khác còn sản xuất được 15 triệu mét vải; 9 triệu mét xô màn; 9,3 triệu chiếc khăn mặt; 1,6 triệu lít nước chấm, 1,4 triệu lít nước mắm; 60 tấn bột dinh dưỡng; 1.650 tấn bánh kẹo; 1.630 tấn đường mật; 3,8 triệu ống thuốc; 85,5 tấn giấy viết; cùng nhiều nón lá, gạch, ngói, xi măng.

Nhìn chung sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ đòi với công nghiệp địa phương tuy đã tiến bộ nhưng so với yêu cầu thì chưa sâu sát, chưa thật coi trọng đúng mức, chưa cân xứng với nông nghiệp. Bộ máy quản lý công nghiệp ở cơ sở chưa được kiện toàn mạnh. Kiến thức về lãnh đạo và quản lý kinh tế công nghiệp của các cấp ủy Đảng còn thấp, chưa đi sâu vào phong trào công nhân, tình cảm giai cấp chưa mạnh.

*Giao thông vận tải* được coi là công tác trung tâm đột xuất của toàn Đảng, toàn dân. Hầu hết các đường liên tỉnh, liên huyện bị địch phá hoại hoặc hủy diệt đều đã được củng cố và mở rộng. Hệ thống đường vòng, đường tránh, cầu, phà được xây dựng thêm, hình thành tuyến hướng có nhiều đường. Nhờ vậy, mặc dù bị địch đánh phá liên tục và hết sức ác liệt nhưng giao thông vẫn bảo đảm thông suốt; các kế hoạch vận chuyển đều được hoàn thành vượt mức và tăng nhanh qua các năm. Tổng khối lượng hàng vận chuyển năm 1967 tăng 51,9% so với năm 1965 - trong đó khối lượng hàng tự vận chuyển từ ngoài tỉnh về ngày càng chiếm tỷ lệ cao (75% tổng số). Đặc biệt các yêu cầu trung chuyển và vận chuyển phục vụ tiền tuyến đều bảo đảm hoàn thành vượt mức, kể cả các yêu cầu đột xuất do Trung ương giao.

Phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, cán bộ và nhân dân toàn tỉnh đã tự giải quyết được nhiều việc khó khăn, xây dựng được nhiều công trình giao thông vận tải, kể cả những loại đòi hỏi kỹ thuật phức tạp mà trước đây tưởng chừng không thể làm được (cầu bương; cầu phao bằng thuyền gỗ, thuyền nan; cầu dây cáp). Qua trình chiến đấu trên mặt trận giao thông vận tải đã xuất

hiện ngày càng nhiều gương hy sinh dũng cảm quên mình, quyết tâm bảo vệ phương tiện, hàng hóa, bảo đảm mạch máu giao thông. Từ chỗ địch đánh "ta sửa, ta đi", tiến lên thực hiện "địch đánh ta cứ đi", "địch lại đánh, ta lại sửa ta đi", "thà đứt mạch máu của bản thân con người, quyết không để đứt mạch máu của Tổ quốc". Trong 3 năm, ngành giao thông vận tải đã trưởng thành nhanh chóng, tiềm lực giao thông vận tải đã được tăng cường góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung, làm thất bại về cơ bản âm mưu đẩy mạnh chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, góp phần phục vụ sản xuất, chiến đấu và phục vụ đời sống nhân dân địa phương.

Các tháng đầu năm 1968, địch đánh phá rất ác liệt trên các tuyến đường, thả thủy lôi trên các triền sông. Hàng loạt phương tiện vận tải, cầu cống, bến phà bị bắn phá. Với tinh thần quyết chiến quyết thắng trên mặt trận giao thông, đã tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi để sửa chữa, khôi phục nên đã bắc xong cầu mới Hòa Mạc và cầu cáp Xuân Khê ; tu sửa xong 3 cầu (cầu cáp, cầu phao Đoàn Vi, cầu ngầm Phú Lý), xây dựng và sửa chữa bến phà, làm mới và rải đá 17 km đường vòng tránh, làm mới 55 km đường liên huyện, 103 km đường liên xã; rải đá nâng cấp mặt đường cho 125 km, rải gạch 283 km, rải xi 142 km, kết hợp với thủy lợi làm mới 911 công, làm mới và tu sửa 807 km đường từ xóm ra đồng. Mạng lưới giao thông trong tỉnh đã hình thành suốt từ xã lên huyện, nối liền và khép kín với các tuyến đường chính.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, phương tiện vận chuyển ngày càng cũ nát, lượng bổ sung không kịp với số

hư hỏng, nhưng trong năm 1968 ngành vận hoàn thành vượt mức kế hoạch về khối lượng và thời gian, về hàng vận chuyển phục vụ tiền tuyến và đưa khối lượng hàng vận chuyển tăng hơn năm trước là 3%. Khối lượng vận chuyển toàn năm được 99,7% ; khối lượng hàng hóa luân chuyển thực hiện 54.953.128 tấn/km, so với kế hoạch đạt 101,9% , vận chuyển nội tỉnh đạt 101,6% ; vận chuyển ngoại tỉnh đạt 85,2% về tấn và 85,6% về tấn/km.

So với các năm trước thì năm 1968 là năm mà ngành Giao thông có nhiều thuận lợi vì từ quý II, địch ngừng oanh tạc nhưng việc xây dựng tu sửa đường sá, cầu cống, bến bãi chưa mạnh, có lúc thiếu khẩn trương.

*Bưu điện* có nhiều cố gắng, củng cố, phát triển mạng lưới phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống ; khắc phục được nhiều khó khăn về vật liệu và kỹ thuật. Nhiều cán bộ và công nhân đã nêu cao tinh thần dũng cảm hy sinh, quyết tâm bảo vệ và khôi phục đường dây khi bị địch đánh phá, bảo đảm an toàn máy móc và thiết bị, giữ vững được thông tin liên lạc giữa tỉnh và trung ương, giữa địa phương với nhau, bảo đảm phục vụ chỉ đạo chiến đấu, phòng không, phòng chống lụt bão kịp thời, đạt hiệu quả.

*Xây dựng cơ bản* hướng vào việc tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế địa phương phát triển, chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp thủy lợi, trạm điện, đổi mới thiết bị ; mở rộng cơ sở sản xuất cũ và xây dựng cơ sở mới về cơ khí, đại tu ô tô, trung đại tu máy kéo, xi măng, khai thác than).

Nhiệm vụ xây dựng cơ bản trong năm 1968 rất nặng nề vì phải hoàn thành các công trình tồn đọng, vừa

phải xây dựng hàng loạt công trình mới nhằm nhanh chóng tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành kinh tế. Trong đó, tình hình vật tư, lao động rất thiếu thốn, thời tiết không thuận lợi ; trình độ kỹ thuật và thiết kế thi công còn yếu. Tuy nhiên so với năm 1967 riêng vốn trợ cấp và vốn Trung ương tăng 15,8% - trong đó công nghiệp tăng 20% và giao thông vận tải tăng 23,4%. Đã hoàn thành và đưa vào sản xuất một số công trình lớn như xi măng, đại tu ô tô, thuốc trừ sâu và mở rộng hàng loạt xí nghiệp công nghiệp ; làm thêm 200 công trình thủy lợi lớn nhỏ và 11 công trình giao thông.

*Thương nghiệp* có nhiều tiến bộ nhờ làm tốt chức năng nối liền công nghiệp với nông nghiệp, sản xuất với tiêu dùng, địa phương với Trung ương và là đòn xeo thúc đẩy sản xuất phát triển. Vượt qua những khó khăn về vật tư, hàng hóa, ngành Thương nghiệp đã có nhiều cố gắng thực hiện tốt mối quan hệ giữa động viên và bồi dưỡng sức dân, góp phần thúc đẩy sản xuất và ổn định đời sống nhân dân. Thu mua lương thực vụ chiêm đạt 40.878 tấn - trong đó mua khuyến khích 5.075 tấn ; vụ mùa thực hiện 18.826 tấn.

*Ngành Giáo dục* đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 1967 - 1968. Đã có 170 trường được công nhận là tiên tiến; 1.168 giáo viên dạy giỏi, 108 học sinh tham gia cuộc thi học sinh giỏi toàn miền Bắc, đoạt 23/46 giải. Kết quả kỳ thi tốt nghiệp hết cấp như sau :

	Số tốt nghiệp	Tỷ lệ tốt nghiệp
Cấp I	44.007 học sinh	91,6%
Cấp II	16.212 học sinh	89,2%
Cấp III	1.523 học sinh	87,2%

Phong trào bổ túc văn hóa trong thanh niên có bước tiến mới, đầu năm học có 89.118 học viên bổ túc văn hóa (75% là nữ). Bình quân trong năm cứ 1 vạn dân có 2.323 người đi học.

Ngành Văn hóa đã đưa các đội chiếu bóng đi vào các vùng hẻo lánh và Thiên chúa giáo để phục vụ, vượt 7% về buổi chiếu ; 32,98% về lượt người xem và 25,9% về doanh thu. Hoạt động văn nghệ phát triển rộng rãi trong cơ quan, xí nghiệp và hợp tác xã. Đặc biệt tỉnh đã đưa một số đội văn nghệ, chiếu bóng đi phục vụ tiền tuyến, góp phần cổ vũ, động viên và rèn luyện trong thực tế lửa đạn.

*Mạng lưới y tế xã* không ngừng được củng cố. Đã có gần 100% trạm xá xã có y sĩ phụ trách. Số bệnh viện, giường bệnh tăng nhanh. Phong trào làm 3 công trình vệ sinh phát triển ; gần 100% số xã ở Duy Tiên đã xây dựng phòng khám phụ khoa ; các xã Nhân Mỹ, Nhân Bình (Lý Nhân) trở thành điểm điển hình về công tác y tế địa phương, làm tốt công tác cấp cứu phòng không, áp dụng các bài thuốc nam thông thường phát không cho dân. Bình quân cứ 1 vạn dân có 4,8 y, bác sỹ và 28,7 giường bệnh. Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em được chú ý (khám thai cho 86.305 người, khám phụ khoa cho 108.890 lượt người).

Trong hoàn cảnh chiến tranh, khả năng tăng trưởng về kinh tế có hạn nhưng phải đáp ứng cùng một lúc cả hai nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ đã hoàn thành được phần lớn các yêu cầu. Sản xuất lương thực được đẩy mạnh, khâu phân phối cho từng vụ và giải quyết nạn thiếu đói mỗi kỳ giáp hạt ngày một tốt hơn. Đồng bào sơ tán sớm ổn định chỗ ở, việc làm và học hành. Đi đôi với chống chiến tranh phá hoại, Đảng bộ còn tăng cường chỉ đạo đấu tranh chống phản cách mạng, giữ vững an ninh. Với những

thắng lợi lớn đó, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã tích cực góp phần đánh bại âm mưu chiến lược của đế quốc Mỹ trong chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, bảo đảm thực hiện tốt mọi nhiệm vụ chỉ viện tiên tuyến, giữ vững và không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng của địa phương.

*Công tác xây dựng Đảng* được hết sức coi trọng. Từ hai Đảng bộ Hà Nam - Nam Định hợp thành, Đảng bộ Nam Hà được thành lập trong hoàn cảnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mới ở giai đoạn đầu và sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước bước vào thời kỳ gay go, quyết liệt. Thông qua lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị và tiến hành các cuộc vận động xây dựng Đảng, nhất là cuộc vận động xây dựng *Đảng bộ, chi bộ 4 tốt* và cuộc vận động xây dựng *Huyện ủy 4 tốt*; Đảng bộ đã được củng cố, trưởng thành thêm một bước cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; sự lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành - nhất là cấp huyện ngày càng tiên bộ. Đồng thời, Đảng bộ còn coi trọng việc giáo dục ý thức giữ gìn khối đoàn kết nội bộ giữa cán bộ hai tỉnh hợp lại, làm chuyển biến mạnh mẽ tác phong từ thời bình sang thời chiến, kết hợp chặt chẽ việc học tập kinh nghiệm lãnh đạo sẵn sàng chiến đấu của các tỉnh bạn với tích cực cải tiến phương thức lãnh đạo của địa phương.

Việc xây dựng và củng cố tổ chức Đảng có những tiên bộ mới. Ở cơ sở, cuộc vận động xây dựng *Đảng bộ, chi bộ 4 tốt* được đẩy mạnh đều khắp, với chất lượng nâng cao dần và ngày càng đi vào nề nếp thường xuyên, phát huy được tác dụng trên nhiều lĩnh vực hoạt động.



Kết quả cuộc vận động xây dựng Đảng tính đến hết 1965

HUYỆN LOẠI	Kim Bảng	Lý Nhân	Duy Tiên	Thanh Liêm	Bình Lục
	Số lượng %	Số lượng %	Số lượng %	Số lượng %	Số lượng %
Đảng bộ 4 tốt	9 (45)	13 (42)	7 (25)	9 (37,6)	5 (16)
Chi bộ 4 tốt	37 (41)	70 (39,1)	55 (46,1)	57 (31,3)	29 (28)
Tổ đảng 4 tốt	100	180	129	206	15
Đảng viên 4 tốt	560 (50,8)	1239 (57,8)	923 (56,3)	1144 (59,7)	303 (47,5)

Thông qua cuộc vận động, năng lực lãnh đạo toàn diện của tổ chức cơ sở Đảng đã được nâng cao hơn trước, nhất là ở khu vực nông thôn và trường học, tiêu biểu như Đảng bộ Duy Hải (Duy Tiên) chi bộ trường cấp II Bắc Lý.

Đầu năm 1966, qua học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng, Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra các yêu cầu, phương châm và nội dung cụ thể khi tổ chức Đại hội Đảng bộ; phải xây dựng tốt Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành; chuẩn bị nhân sự chu đáo. Đồng thời, Thường vụ Tỉnh ủy cũng quy định rõ số lượng đại biểu, cấu tạo cấp ủy.

Cuộc vận động xây dựng Đảng bộ, *chi bộ 4 tốt* tiếp tục được triển khai trong 3 năm (1966 - 1968), thu được nhiều kết quả quan trọng. Trước hết trên các mặt sản xuất và chiến đấu, năng lực lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện của nhiều tổ chức cơ sở Đảng đã được nâng lên một bước. Trong lãnh đạo chiến đấu nhiều tổ chức cơ sở Đảng đã tỏ ra kiên định, vững vàng, thể hiện rõ ý chí quyết chiến quyết thắng, tinh thần dũng cảm kiên cường trong chiến đấu, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

chi viện tiên tuyến, phục vụ chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang, bảo vệ trị an và đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống.

Công tác xây dựng Đảng về mặt tổ chức - nhất là xây dựng cơ sở Đảng ở nông thôn và xí nghiệp đã chuyển hướng kịp thời theo tinh thần Nghị quyết 113 của Bộ Chính trị. Đảng bộ đã nắm khâu trọng tâm là kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng đi đôi với tăng cường cấp huyện. Nhiều tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn và xí nghiệp đã tổ chức cho đảng viên tự phê bình trước quần chúng và yêu cầu quần chúng đóng góp những ý kiến xây dựng đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác của chi bộ nhất là về sản xuất, chiến đấu, tổ chức đời sống và chấp hành chính sách; làm cho đảng viên thấy được ưu khuyết điểm một cách sâu sắc hơn và nâng cao tinh thần trách nhiệm trước quần chúng hơn. Nhìn chung số Đảng bộ, chi bộ, tổ Đảng và đảng viên đạt yêu cầu "4 tốt" ngày một tăng.

Qua 3 năm tiến hành cuộc vận động, nhiều Đảng bộ và chi bộ, tổ Đảng đã quyết tâm lãnh đạo đẩy mạnh phong trào thâm canh tăng năng suất để đảm bảo nâng cao mức sống của quần chúng và đóng góp ngày một nhiều cho Nhà nước. Trong công nghiệp đã tập trung vào việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, hạ giá thành, bảo đảm vượt mức kế hoạch trong hoàn cảnh địch đánh phá liên tiếp; bảo đảm ổn định đời sống công nhân trong hoàn cảnh sơ tán khó khăn. Các lĩnh vực giao thông, vận tải, tài chính, thương nghiệp, văn hóa, giáo dục, y tế cũng quyết tâm hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, phục vụ tốt chiến đấu, sản xuất và đời

sống quần chúng. Trên địa bàn Hà Nam có nhiều Đảng bộ, chi bộ, tổ Đảng được biểu dương :

- *Thanh Liêm* : Đảng bộ xã Thanh Hương, Đảng bộ xã Thanh Hà. Đảng bộ Xí nghiệp đá Thanh Châu.

- *Bình Lục* : Đảng bộ xã An Đổ, Đảng bộ xã Đông Du.

- *Lý Nhân* : Đảng bộ xã Nguyên Lý, Đảng bộ xã Nhân Mỹ.

- *Duy Tiên* : Đảng bộ xã Tiên Yên, Đảng bộ xã Trác Bút, Chi bộ phòng Y tế.

- *Kim Bảng* : Đảng bộ xã Phù Vân, Đảng bộ xã Ngọc Sơn.

Trong khâu kiện toàn tổ chức cơ sở, Đảng bộ luôn chú trọng lựa chọn những cán bộ, đảng viên ưu tú đưa vào cấp ủy, kiên quyết thay đổi những cấp ủy viên kém. Qua các kỳ Đại hội, lực lượng trẻ và phụ nữ tham gia cấp ủy đã được tăng cường. Riêng ở khu vực nông thôn, số cấp ủy viên trẻ dưới 30 tuổi đã chiếm tỷ lệ khá cao.

Từ năm 1965 đến 1967, Đảng bộ đã phát triển thêm được 18.899 đảng viên mới - trong đó có 1.065 đảng viên theo đạo Thiên chúa (khu vực Hà Nam 529 đồng chí gồm : Kim Bảng 202 ; Bình Lục : 124, Thanh Liêm : 73, Lý Nhân : 69, Duy Tiên : 59, thị xã Hà Nam : 2). Đảng bộ đã từng bước kiện toàn sự lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng *Huyện ủy 4 tốt*, làm cho các địa phương ngày càng xác định rõ vị trí trách nhiệm của mình, bước đầu xây dựng được phương hướng đúng sát, tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo đối với nông nghiệp, đi sâu nắm xã và hợp tác xã. Qua Đại hội của các Đảng bộ được tiến hành trong năm 1967, cấu tạo của Ban Chấp hành đã có nhiều chuyển biến. Số Huyện ủy viên là nữ từ 10,1% tăng lên 21% ; số Huyện ủy viên từ 35 tuổi trở xuống từ 7% tăng lên 17,8% ; số Huyện ủy viên mới chiếm 36,50%.

Mặc dù sức mạnh của Đảng bộ ngày càng được tăng cường nhưng vẫn còn bộc lộ thiếu sót trong công tác xây dựng Đảng, nhất là trong việc quán triệt sâu sắc tinh giai cấp và tính tiên phong, làm cho chất lượng nhiều mặt chưa cao, một số khâu tiến bộ còn chậm. Việc chỉ đạo thực hiện nội dung cụ thể về cuộc vận động xây dựng *cơ sở Đảng 4 tốt* đối với từng vùng, từng loại cơ sở còn thiếu toàn diện sâu sát. Công tác phát triển Đảng ở một số nơi làm ẩu theo lối cảm tình, nể nang, lôi kéo anh em họ hàng không đủ tiêu chuẩn vào Đảng; việc xét duyệt còn chậm chước, hạ tiêu chuẩn nên có trường hợp kết nạp cả phần tử xấu. Hai năm 1966 - 1967 có 79 trường hợp kết nạp ẩu. Ngoài ra, trong việc bố trí lực lượng giữa các vùng, các ngành chưa đều khắp khiến cho nhiều đội sản xuất chưa có đảng viên.

Giữa lúc cuộc *kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* chuyển sang giai đoạn mới, từ ngày 3 - 8 tháng 6-1968, Đại hội Đảng bộ Nam Hà lần thứ nhất được triệu tập. Trên cơ sở đánh giá lại chặng đường đã qua, Đại hội đã tập trung thảo luận, ra Nghị quyết về phương hướng và nhiệm vụ chung của Đảng bộ trong 3 năm (1968 - 1970) nhằm *"quyết tâm xây dựng nền kinh tế địa phương lớn mạnh, có nông nghiệp và công nghiệp phát triển, tăng cường công tác quân sự địa phương và giữ vững trật tự an ninh, sẵn sàng đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu chi viện tiền tuyến, chú trọng bồi dưỡng sức dân; ra sức xây dựng chính quyền, đoàn thể quần chúng và xây dựng Đảng bộ vững mạnh; bảo đảm chiến đấu, chiến thắng địch họa, thiên tai trong mọi tình huống và tích cực chuyển hướng kịp thời khi có điều kiện thuận lợi"*<sup>(1)</sup>.

---

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ nhất

Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đoàn kết chiến đấu, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội, phấn đấu xây dựng địa phương trở thành một tỉnh kiểu mẫu về sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi, tổ chức đời sống tốt và Đảng bộ ngày càng trở nên vững mạnh.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ mới gồm 35 Ủy viên do đồng chí Phan Điền làm Bí thư, các đồng chí Trần Đoàn và Vũ Thiện làm Phó bí thư.

Bên cạnh việc tăng cường sức mạnh của tổ chức, Đảng bộ còn hết sức chú trọng đến việc xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

Thông qua các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân và các cuộc vận động xây dựng chính quyền cấp xã giới toàn diện mà Ủy ban hành chính các cấp được củng cố, kiện toàn thêm một bước; ngày càng được đề cao và phát huy quyền lực trên nhiều lĩnh vực. Pháp chế xã hội chủ nghĩa trong thời chiến được giữ vững. Vấn đề dân chủ với nhân dân được mở rộng từng bước. Đã làm tốt cuộc vận động nhân dân hăng hái tham gia vào phong trào phát triển kinh tế - văn hóa miền núi.

Khối đại đoàn kết toàn dân ngày một củng cố và mở rộng. Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò chức năng của mình trong việc tổ chức, động viên và cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân. Công tác vận động giáo dân đã có chuyển biến, tiến bộ. Qua sản xuất, chiến đấu và đấu tranh chính trị, giáo dân ngày càng gắn bó với cách mạng hơn, tình thân yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lòng căm thù đế quốc Mỹ được nâng lên.

Đoàn thanh niên đã trưởng thành nhanh chóng. Phong trào 3 sẵn sàng đã trở thành nguồn động viên thanh niên phát huy vai trò xung kích của mình trong sản xuất nông nghiệp, tòng quân giết giặc và gia nhập vào đội Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước. Phong trào phụ nữ ngày càng có vai trò to lớn trong đời sống xã hội giúp chị em khắc phục được nhiều khó khăn, vươn lên sản xuất tốt và chiến đấu giỏi làm xuất hiện nhiều tấm gương dũng cảm, đảm đang.

Nhờ đánh giá đúng âm mưu của kẻ thù, nắm vững đường lối chiến tranh nhân dân, nắm vững tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Đảng; chủ động phòng tránh, giữ vững và phát triển sản xuất; bảo đảm tốt giao thông, vận tải mà Đảng bộ và nhân dân địa phương đã giành thắng lợi to lớn trên tất cả các lĩnh vực; làm rạng rỡ trang sử của quê hương thân yêu.

## II - TRANH THỦ THỜI BÌNH. CHUYỂN HƯỚNG KINH TẾ (1969 — 1971)

Sau khi hợp nhất tỉnh, tốc độ phát triển cả về quy mô và tổ chức của hợp tác xã nông nghiệp tăng rất nhanh. năm 1964 cả hai tỉnh Nam Định và Hà Nam có 1.973 hợp tác xã (41,68% hợp tác xã bậc cao) thu hút 88,27% số hộ và 75,10% ruộng đất; đầu năm 1969 toàn tỉnh chỉ còn 868 hợp tác xã, toàn bộ là bậc cao, thu hút 94,77% số hộ, 95,98% ruộng đất, đưa bình quân ruộng đất 1 hợp tác xã lên 157,2 ha.

Song vấn đề đặt ra là quá trình phát triển về quy mô và tổ chức hợp tác xã nông nghiệp có nhiều hạn chế. thu nhập và đời sống của xã viên bị giảm sút; hợp tác xã quản lý toàn bộ tư liệu sản xuất và đại bộ phận sức lao động

nhưng tỷ lệ thu từ hợp tác xã để đảm bảo mức sống gia đình lại ngày một thấp đi, là nguyên nhân chính làm cho xã viên không gắn bó với hợp tác xã.

Thực tiễn đây là thời kỳ nền sản xuất nông nghiệp địa phương đang trong quá trình chuyển biến từ độc canh sang toàn diện, từ sản xuất theo kinh nghiệm sang tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật; từ mang nặng tính tự cấp tự túc sang gia tăng nông sản hàng hóa. Nhưng trên tổng thể tốc độ phát triển nông nghiệp còn chậm, thiếu vững chắc và cân đối, nhiều mặt còn trì trệ. Là vùng trọng điểm lúa mà lương thực bị giảm sút liên tục làm ảnh hưởng đến nhiều ngành sản xuất, đến đời sống nhân dân và nghĩa vụ chung đối với Nhà nước; nhiều khả năng tiềm tàng không được phát huy.

Để triển khai chủ trương trên, ngay từ cuối tháng 3-1969, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp để nghe báo cáo về kế hoạch xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp của tỉnh, ra Nghị quyết số 08 NQ/TU nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác định phương hướng sản xuất của từng vùng, dự kiến các khu vực chuyên môn hóa sản xuất. Sau phân vùng nông nghiệp thì việc nghiên cứu xây dựng quy hoạch sản xuất càng trở nên cần thiết và là cơ sở cho việc phân bố sử dụng hợp lý đất đai, phân bố cây trồng, vật nuôi và lựa chọn các giải pháp kỹ thuật thích hợp.

Nghị quyết cũng xác định : *“Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp là một công tác nghiên cứu, thiết kế tổng hợp về kinh tế, kế hoạch có tính khoa học kỹ thuật và tính quán chúng rộng rãi cần phải được tiến hành một cách khẩn trương, thận trọng, chính xác; phải bảo đảm*

*làm tốt để phục vụ sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế địa phương, chống Mỹ, cứu nước”.*

Khi xác định vùng kinh tế chung của toàn tỉnh. Đảng bộ đã xác định sự phân bố của các ngành công nghiệp sẽ quyết định sự phân bố của các ngành kinh tế khác và do đó ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của công nghiệp và của nền kinh tế quốc dân. Từ xuất phát điểm này, vận dụng vào đặc điểm của tỉnh trong khi phân vùng kinh tế nông nghiệp là tiến hành bước đầu phân bố công nghiệp làm căn cứ để phân vùng. Căn cứ vào các yếu tố tạo vùng, các nguyên tắc, điều kiện kinh tế tự nhiên và tình hình thực tiễn, khu vực Hà Nam có hai vùng kinh tế công nghiệp với các trung tâm Kiện Khê - Phủ Lý và Vĩnh Trụ.

Việc xác định các vùng nông nghiệp dựa nhiều vào điều kiện khí hậu, khả năng đất đai, tập quán canh tác từng vùng. Trên địa bàn Hà Nam có các vùng sau :

- *Vùng nông nghiệp nửa đồi núi* gồm 17 xã thuộc nội và ngoại vi, vùng nửa đồi núi (6 xã thuộc Thanh Liêm và 11 xã thuộc Kim Bảng), diện tích canh tác là 7.250 ha chiếm 4,7% diện tích canh tác toàn tỉnh ; dân số có 72.648 người chiếm 4,3% dân số toàn tỉnh ; lao động có 29.486 người (4,2%) ; bình quân diện tích canh tác 2,4 sào/người. Đây là vùng nông nghiệp bao quanh khu công nghiệp có nhu cầu về lương thực - thực phẩm khá cao. Phương hướng sản xuất của vùng là phát triển trồng cây công nghiệp dài ngày (chè, trầu, sớ, dứa, dược liệu, mây), cây lấy gỗ và tre bương, chăn nuôi trâu bò sinh sản cung cấp sức kéo, chăn nuôi gia cầm và nuôi ong, tằm lá sắn, lúa và rau màu. Do yêu cầu phục vụ khu công nghiệp và thị xã Hà Nam, sẽ quy hoạch một vùng thực phẩm bảo đảm nhu cầu 3 vạn nhân khẩu.



Là vùng nửa đồi núi, vùng công nghiệp, đồng thời lại đóng vai trò hậu cứ nên trong phân vùng kinh tế và quá trình xây dựng kinh tế phải kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, xây dựng hậu phương và tạo vành đai mạnh. Tiếp tục xây dựng tuyến giao thông ven núi, mở rộng các tuyến đường mòn sẵn có và mở thêm tuyến mới để phục vụ cho sản xuất và khai thác lâm sản. Phân bổ lại lao động, tổ chức các đội chuyên (trồng trọt, chăn nuôi, khai thác lâm sản). Xây dựng Nông trường Bà Sao thành cơ sở kỹ thuật tiên tiến của nông nghiệp nửa đồi núi - trước hết là trồng và cải tạo chế biến chè, chăn nuôi trâu bò sinh sản cung cấp thịt và sữa.

- *Vùng màu, cây công nghiệp* được xác định là khu vực hậu cần của công nghiệp địa phương gồm 136 xã <sup>(1)</sup> thuộc 8 huyện (Duy Tiên 16 xã, Lý Nhân 26 xã Bình Lục 4 xã...). Ngành chuyên môn hóa là cây công nghiệp ngắn ngày (mía, đay, lạc, dâu), lúa, lợn, khoa tây, rau, cây ăn quả và cây đặc sản, ngành bổ sung quan trọng là chăn nuôi còn ngành phục vụ là gạch ngói, cơ khí nhỏ, rèn, mộc, nề, chế biến nông sản, đan lát.

- *Vùng chiêm trũng* gồm 90 xã <sup>(2)</sup> (Thanh Liêm 14 xã Bình Lục 26 xã, Lý Nhân 3 xã...). Phương hướng sản xuất của vùng là lúa, lợn, cá (hồ, ao, ruộng, sông, ngòi), trồng màu, chăn nuôi trâu, bò cây có kết hợp sinh sản, trồng cây ăn quả, lấy gỗ phòng hộ. Ngành phục vụ là gạch, cơ khí nhỏ, mộc nề, đan lát.

- *Vùng hai lúa* gồm 125 xã <sup>(3)</sup> (Duy Tiên 11 xã, Kim Bảng 2 xã, Thanh Liêm 4 xã...). Ngành chuyên môn hóa ở đây là lúa, lợn, cây ăn quả, ngành bổ sung là cá, rau, màu, chăn

---

(1), (2), (3) Những số liệu của cả tỉnh Nam Hà.

nuôi trâu sinh sản kết hợp cày kéo ; trồng cây; ngành phục vụ có gạch, ngói, cơ khí nhỏ, rèn, mộc, ngói, nề.

Nội dung quy hoạch tổng thể vùng sản xuất nông nghiệp bao gồm nhiều quy hoạch bộ phận, từng ngành, từng mặt và là một công tác lớn, mới mẻ và phức tạp. Để có thể hoàn thành vào cuối năm 1970. Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định chọn một số huyện làm thí điểm để từ đó triển khai tiếp các huyện còn lại. Tỉnh ủy còn đề ra nhiệm vụ cụ thể cho vùng 2 lúa : Cần tập trung xây dựng đồng ruộng để hình thành các vùng tưới tiêu chủ động rộng lớn - trong đó 2 huyện Duy Tiên, Kim Bảng mỗi nơi bảo đảm có ít nhất 2.000 ha được kiến thiết đồng ruộng hoàn chỉnh, nạo vét xong máng cấp I, đào đắp máng cấp II và một phần máng cấp III của hệ thống Liên Mạc và Mộc Nam, hoàn thành hệ thống tiêu úng các trạm bơm điện nhỏ. Đối với vùng chiêm trũng nhanh chóng lắp ráp đủ số máy cho các trạm bơm Hữu Bị, Vĩnh Trị; khởi công xây dựng hai công trình đầu mối Như Trác, Nham Tràng, yêu cầu Tổng cục Đường sắt và Bộ Giao thông - Vận tải tiến hành nạo vét các đoạn lòng sông cầu Sắt, cầu Họ, cầu Phủ Lý để phục vụ kịp thời việc tiêu úng cho vụ mùa. Tại vùng nửa đồi núi củng cố vững chắc đập Đồng Sơn, tu bổ cống Hang Luôn ; hoàn thành quy hoạch tưới tiêu các trạm bơm Thi Sơn, Châu Sơn, La Mát ; chuyển các trạm bơm dầu Thi Sơn, Khả Phong, Phù Vân thành trạm bơm điện ; nghiên cứu xây dựng đập chứa nước Đồng Thượng, hệ thống tiêu cho khu vực La Phù để phát triển chăn nuôi đại gia súc. Đẩy mạnh xây dựng đồng ruộng để chủ động tưới tiêu, chống xói mòn và bạc màu cho 2.500 ha ven đồi núi.



Trạm bơm Như Trác (Lý Nhân) phục vụ tưới, tiêu nước  
cho các huyện Lý Nhân, Bình Lục và Thanh Liêm

Trung tuần tháng 4-1969, tỉnh phát động phong trào ba mũi tiến công (thủy lợi, giao thông, vận tải, cơ khí và vật liệu xây dựng). Riêng thủy lợi, sau 1 tháng ra quân đã đào đắp được 6,7 triệu m<sup>3</sup>, bằng 96% kế hoạch quý II-1969.

*Về giao thông, vận tải*, Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy cũng xác định: Phải xúc tiến nghiên cứu, xây dựng các quy hoạch để hoàn chỉnh mạng lưới giao thông thủy, bố trí xác định các tuyến đường chủ yếu của tỉnh, huyện, xã, tận dụng hệ thống đường bộ hiện có, mở rộng và nâng cấp những tuyến chủ yếu để tăng lưu lượng xe, tốc độ vận chuyển và an toàn vận tải. Giải quyết phương tiện vượt sông thuận tiện ở bến Hồng Phú, nhất là trong mùa nước lũ. Kết hợp với thủy lợi giải quyết tốt việc cải tạo và khai thông các luồng sông vận tải từ tỉnh đến huyện, đẩy mạnh thi công một số công trình trên hệ thống sông (Châu Giang, sông Đáy (giải quyết xong đập Vĩnh Trụ, Quang Trung, Diệp Sơn, cầu Tăng và công Kinh Lũng).

*Cơ khí và vật liệu xây dựng là mũi tiến công thứ ba*, trước mắt tập trung lực lượng phục vụ đặc lực cho nông nghiệp đạt 3 mục tiêu, đảm bảo phục vụ thỏa mãn công cụ thường, trang bị công cụ cải tiến, trang bị đồng bộ các điểm cơ khí nhỏ, đáp ứng yêu cầu về máy công tác sau máy kéo: sửa chữa công cụ, máy phát lực. Ngoài các tô rên, móc, ngui của hợp tác xã, các điểm cơ khí huyện và thị xã, đưa nhanh xí nghiệp cơ khí tổng hợp Hà Nam đi vào sản xuất. Các phân xưởng cơ khí sửa chữa ở xí nghiệp đường Vĩnh Trụ, xí nghiệp xi măng, xí nghiệp đá sẽ nâng thành xưởng; được trang bị thêm máy tiện đơn giản, máy hàn, máy mài, máy khoan.

Song song với các nhiệm vụ trọng tâm kể trên, Đảng bộ còn hết sức chú trọng đến công tác vận động thanh niên trong tỉnh, coi 30 vạn thanh niên là lực lượng xung kích trong sản xuất, chiến đấu; công tác thiếu niên, nhi đồng cũng được tăng cường; đã có trên 20 vạn thiếu niên, nhi đồng được tặng danh hiệu Châu ngoan Bác Hồ. Các đợt sinh hoạt chủ đề, học tập truyền thông cách mạng, phong trào “Ngàn việc tốt” đã có tác dụng thiết thực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục ở nhà trường, gắn học tập với thực tiễn sản xuất và chiến đấu.

Giữa lúc Đảng bộ và nhân dân Nam Hà đang ra sức thi đua sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh thì cuối tháng 8-1969 nhận được tin buồn về sức khỏe của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vào hồi 9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969 Người đã vĩnh biệt và để lại một tổn thất vô cùng to lớn, nỗi đau thương vô hạn của toàn Đảng và toàn dân tộc.

Chấp hành Chỉ thị số 17 của Bộ Chính trị, sang 4-9-1969, Ban Chấp hành Đảng bộ đã họp phiên đặc biệt trong niềm xúc động to lớn để quyết định thành lập Ban tổ chức lễ tang và ra Nghị quyết đặc biệt về tổ chức lễ tang ở các địa phương, phát động quần chúng biên đau thương thành hành động cách mạng. Tại buổi lễ truy điệu trọng thể ở địa phương Tỉnh ủy phát động đợt sinh hoạt chính trị “*Học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch*”. Qua học tập, toàn thể Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh càng thấy rõ sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người đối với Đảng và dân tộc; nhận thức sâu sắc hơn vinh dự và trách nhiệm của mình, ra sức phấn đấu để thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người để thực sự biến đau thương thành hành động cách mạng, trong công tác xây dựng

Đảng, Đảng bộ đã tiến hành tổ chức tổng kết cuộc vận động xây dựng *Huyện ủy "4 tốt"* (Lý Nhân, Kim Bảng, Thanh Liêm đạt loại khá ; Duy Tiên, Bình Lục và thị xã Hà Nam đạt loại trung bình). Đồng thời, Tỉnh ủy đã chỉ đạo đợt tiến hành kiểm tra công tác phát triển Đảng và đưa Điều lệ vào hợp tác xã nông nghiệp.

Năm 1970, là năm Bộ Chính trị và Hội đồng Chính phủ ban hành nhiều Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ mới ; giải quyết cụ thể các vấn đề về công tác quản lý chính sách, về công tác quần chúng và xây dựng Đảng nhằm nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, phục vụ cho tiền tuyến chiến đấu và chiến thắng.

Thông qua việc nghiên cứu và triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị (195, 196, 197) và của Hội đồng Chính phủ (20, 84), Đảng bộ nhận thấy công tác tổ chức và quản lý hợp tác xã trong tỉnh còn yếu. Đội trưởng các đội sản xuất chưa có những hiểu biết về kỹ thuật ; còn thực hiện một cách máy móc và tùy tiện các biện pháp quản lý lao động và kỹ thuật; chưa biết vận động quần chúng đi vào các khâu then chốt của kỹ thuật. Sự lãnh đạo của cấp tỉnh và huyện đối với cơ sở tuy đã sâu sát hơn nhưng vẫn chưa xây dựng được nề nếp chỉ đạo điểm để từ đó phát huy tác dụng chỉ đạo diện. Ý thức phục vụ nông nghiệp của các ngành còn chưa được phát huy. Đứng trước hiện trạng trên, Tỉnh ủy đã chủ trương kết hợp tiến hành các cuộc vận động một cách thống nhất, lấy mục tiêu "*phục vụ tiền tuyến, hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1970*" làm nhiệm vụ phấn đấu trước mắt. Đối với các hợp tác xã nông nghiệp phải làm cho xã viên

thấy được nghĩa vụ và quyền lợi trong lao động sản xuất, phát huy được quyền làm chủ của đông đảo xã viên, bước đầu chấn chỉnh công tác quản lý - nhất là quản lý lao động. Qua phân loại toàn tỉnh mới chỉ có 50 hợp tác xã tiên tiến (5,8%), 216 hợp tác xã khá (25,2%), 386 hợp tác xã trung bình (45,2%) và còn tới 202 hợp tác xã thuộc loại kém (23,8%).

Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp sau khi thực hiện Nghị quyết về sản xuất hàng tiêu dùng đã có nhiều tiến bộ trong việc tổ chức sản xuất, củng cố kỷ luật lao động. Số người và số ngày công làm cho tập thể đã gia tăng. Đã giáo dục và động viên được 98% số xã viên bỏ sản xuất hoặc làm việc cầm chừng trở lại làm việc đều đặn. Nhiều cơ sở đạt mục tiêu 26 công/tháng hoặc tiến hành sắp xếp lại lao động, tổ chức đi khai thác nguyên vật liệu, phát triển mặt hàng mới để giải quyết số lao động dôi dư. Năng suất lao động của các nghề dệt, chế biến thực phẩm tăng, nên thu nhập của xã viên khá hơn.

Không những tập trung nhiều vào việc tăng cường củng cố mối quan hệ sản xuất mới, Tỉnh ủy còn chỉ đạo giảm nhẹ lực lượng gián tiếp để chuyển sang trực tiếp sản xuất, kiện toàn tổ chức để giảm đầu mối trung gian. Ở cấp tỉnh nhiều ban, phòng được rút gọn; một số công ty bị giải thể hoặc hợp nhất. Tính đến tháng 2-1970 đã rút bớt được 51 phòng, ban thuộc cơ quan tỉnh, nhiều cơ sở sản xuất đã chuyển số dôi dư vào khu vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, làm cho tỷ lệ lao động gián tiếp từ 19,08% xuống còn 15,5%. Thông qua các cuộc vận động lớn, công tác quản lý kinh tế và quản lý xí nghiệp bước đầu có tiến bộ - nhất là lĩnh vực lao động và vật tư. Đại bộ phận các cơ sở quốc doanh đã đi vào thực hiện

ghi chép ban đầu, xây dựng và điều chỉnh được mức lao động và vật tư, trong đó 22 xí nghiệp do Ty Công nghiệp quản lý, xây dựng thêm được 1.081 định mức lao động mới, tăng 44% so với năm 1969 ; số người hưởng lương sản phẩm tăng 26,3%. Xí nghiệp gỗ Hồng Phú và Xí nghiệp thủy tinh thực hiện được 90 - 100% số công nhân làm theo lương sản phẩm. Một số cơ sở sản xuất tương đối ổn định và trong một số công việc cụ thể, năng suất lao động có tăng hơn trước. Số cơ sở bù lỗ và số tiền bù lỗ đã giảm và xuất hiện một số xí nghiệp làm ăn có lãi.

Sau khi tiến hành đợt cải tiến quản lý lao động thì tổ chức của các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp cũng được củng cố. Nhiều xã viên tự nguyện chấm dứt tình trạng "chân ngoài đầu hơn chân trong". Nhiều cơ sở đã đạt và vượt mức kế hoạch.

Công tác xây dựng Đảng đã có những bước tiến khích lệ, nhất là qua hai đợt phát triển đảng viên lớp Hồ Chí Minh (19 tháng 5 và 2 tháng 9 năm 1970). Chất lượng đảng viên có nhiều chuyển biến tốt về ý thức trách nhiệm, phát huy vai trò lãnh đạo và tính tiên phong gương mẫu trong lao động sản xuất và công tác.

Gắn với việc nâng cao chất lượng đảng viên, các tổ chức cơ sở Đảng và Đảng bộ cấp huyện được kiện toàn theo hướng tăng cường lãnh đạo hợp tác xã, nắm chắc sản xuất nông nghiệp, thực hiện chế độ trực tiếp, giảm bớt lối phụ trách. Đối với tổ chức cơ sở Đảng thì chú trọng việc cải tiến nề nếp sinh hoạt chi bộ, tiến hành Đại hội ở 201/293 xã <sup>(1)</sup> cần bầu lại, rút 29% số Đảng ủy viên cũ (20,7% mất tín nhiệm; 27,3% năng lực yếu); đưa 241 cán bộ, trong đó có 61% Huyện ủy viên hạ phòng về

---

(1) Số liệu cả tỉnh Nam Hà.



trực tiếp tham gia Đảng ủy xã và giữ chức vụ chủ chốt trong hợp tác xã. Cấp huyện cũng đã tiến hành xong Đại hội Đảng bộ và thông qua đó mở rộng dân chủ trong Đảng, tạo ra sự nhất trí cao trong mục tiêu phấn đấu và kiên toàn Ban Chấp hành. Đồng thời cấp huyện cũng bước đầu cải tiến phương thức chỉ đạo, rút bớt phụ trách khỏi phân công Thường vụ phụ trách vùng kinh tế quan trọng hoặc Huyện ủy viên trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy xã.

Một trong những nhiệm vụ lớn của Đảng bộ và nhân dân địa phương trong 3 năm từ 1969 - 1971 là phải động viên toàn bộ sức người sức của vào công cuộc chống thiên tai bão lụt xảy ra liên tục. Đầu tháng 8-1969, một đợt lũ lên cao và kéo dài chưa từng có kể từ 21 năm trước đó. Tỉnh ủy đã chỉ đạo huy động tới 367.968 cán bộ, công nhân, bộ đội, học sinh lên đê. Nhân dân khắp nơi trong tỉnh đã đóng góp 126.676 cây tre, trên 7.000 cây xoan và 14 vạn bó rào cùng 2 vạn bao tải đất để hộ đê; bảo vệ tốt các tuyến đê trên sông Hồng, sông Đáy

Do có kinh nghiệm chỉ đạo việc hộ đê của năm trước, năm 1970 tỉnh đã chủ động tổ chức lực lượng hộ đê gồm 55.000 người chia thành 2.171 đội - trong đó có 790 đội xung kích được trang bị đủ các loại phương tiện, dụng cụ phòng chống lụt ; bồi đắp được 1.062.144 m<sup>3</sup> đất cho các quãng đê xung yếu ; hoàn thiện và sửa chữa 73 kè cống, bố trí 355 cán bộ làm công tác hộ đê túc trực ở nơi quy định. Cứ 1 km có một tổ giữ đê với 1 cán bộ lãnh đạo và 5km có một cán bộ kỹ thuật. Nhờ có sự chỉ đạo sâu sát và chủ động, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã thắng trận lũ lớn : 6 ngày liền vượt mức báo động 3 với mực nước 13,3 mét ở Hà Nội mà các tuyến đê ở địa phương vẫn giữ được an toàn.

Vụ mùa năm 1971 toàn tỉnh gặp thiên tai lớn, diễn biến rất phức tạp và ác liệt, vượt xa nhiều dự đoán trước đây. Bão nối tiếp nhau xuất hiện, cơn trước chưa tan, cơn sau đã đến. Có 3 cơn bão trực tiếp vào tỉnh, uy hiếp nặng nề điều và gây ra mưa lớn. Tại các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm và Bình Lục từ ngày 11 đến ngày 20-8 lượng mưa trên 300mm làm cho gần 3 vạn ha bị ngập sâu trong nước.

Lũ trong năm 1971 cũng xuất hiện sớm, đỉnh lũ lên rất cao và kéo dài trong nhiều ngày. Từ tiết Tiểu mãn (22-5) đã có lũ xấp xỉ báo động 1 ; đến 12-8 lên báo động 2 và 16 giờ ngày 18-8 lên báo động 3, kéo dài đến tận cuối tháng. Đỉnh lũ cao nhất ở Hà Nội cao hơn năm 1969 tới 1,83 mét ; ở Như Trác 0,76 mét và ở Phủ Lý tới 1,04 mét (28-8-1971). Sau lũ năm 1969, toàn bộ đê, kè, cống trong tỉnh đã được củng cố thêm nhưng chỉ đủ bảo đảm cho mực nước 13,30 mét ở Hà Nội.

Đến 22 tháng 8-1971, toàn bộ đê sông Hồng chảy qua Lý Nhân, Duy Tiên bị tràn 21 đoạn (16.900 m), sạt 18 đoạn (3.900 m), lún 100 m, có 6 đoạn bị mạch sủi; lỗ rò rỉ ở Lý Nhân có đường kính tới 15 cm. Đê sông Đáy nói chung được giữ vững nhưng tại Kim Bảng sạt 3 đoạn dài 120 mét, nứt mặt đê Kim Thượng. Đê sông Nhuệ, sông Châu Giang là bờ sông tiêu, sông tưới trong nội địa do mưa lớn và lũ to đã phải đóng cống Phủ Lý, Ba Đa nên nước dâng cao, gây tràn bờ. Đê Hoàng Đông, Hoàng Tây trên sông Nhuệ bị vỡ. Đê Hoàn Uyển (Duy Tiên) phải coi nới, có 5 đoạn sạt lở nên phải đắp thêm 2 tuyến phòng ngự. Đê bắc Châu Giang phải khơi con trạch chống tràn, nhiều đoạn ở Lạc Tràng bị

sạt. Cống Hữu Bị, bị tràn bực cánh. Các cống Gồm (Kim Bãng), cầu Gừng, cống Tri Ngôn, cống Trung Thứ (Thanh Liêm) bị rò rỉ nước.

Mặc dù lũ lên cao, kéo dài, diện bảo vệ rộng nhưng nhờ có sự tập trung chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền từ tỉnh tới cơ sở; sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên, quân đội và nhân dân nêr đã giữ được các tuyến đê sông Hồng, sông Đáy; chủ động di chuyển được nhân dân trong bồi, nơi phân lưu; bảo vệ được tính mạng và phần lớn tài sản của nhân dân và Nhà nước.

Trong khi tập trung cao độ chống lũ và coi đó là nhiệm vụ hàng đầu. Tỉnh ủy vẫn kết hợp chỉ đạo mạnh mẽ công tác tuyển quân và chăm sóc lúa. Riêng tuyển quân các đơn vị như thị xã Hà Nam, Thanh Liêm, Kim Bãng, Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục đã vượt chỉ tiêu được giao.

Chỉ trong vòng từ 20 đến 28-8-1971, tỉnh và các huyện đã huy động hàng ngày 7 - 8 vạn người lên đê với 55 vạn ngày công, đào đắp gần 18 vạn m<sup>3</sup> đất, huy động 73.000 cây tre, 120.000 bao tải, 1.050 m<sup>3</sup> đá học, 15 ca nô, 23 sà lan, 1.000 tấn thuyền, 9 xe tải vào chiến dịch.

So với năm 1969, đợt lũ này gây tổn thất nặng hơn, làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân nhiều hơn. Sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại nặng, nhất là các xã có bồi, xã hữu ngạn sông Đáy và xã ven sông Nhuệ (ngập 9.944 ha lúa đã cấy bằng 9,6% diện tích, trong đó có 3.309 ha nội bồi và 4.620 ha hữu ngạn sông Đáy và ven sông Nhuệ). Kim Bãng là huyện bị ngập nặng nhất, tới 78% diện tích đã cấy, Duy Tiên 22,9%. Nhà cửa trong vùng bị ngập khoảng 31.207 hộ, gồm 145.312 người, 28.000 nóc nhà. Ở Trung Hạ (Duy Tiên) có hàng chục ngôi nhà bị trôi, hàng trăm tấn thóc và phân bón bị mất.

Ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng cũng bị thiệt hại nhiều (ngừng sản xuất do ngập, đổ ló, trôi gạch ngói, mất mát nguyên liệu). Kho gạo, muối Trà Thượng bị ướt hơn 650 tấn. Đường số 21 (Phu Lý - Chà Nè), đường 60 (Đông Văn - Nhật Tựu) ngập một số đoạn, xe không đi lại được.

Như vậy, sau khi đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh bước vào khôi phục và phát triển kinh tế. Tuy gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại nhưng đã giành được nhiều thắng lợi rất quan trọng; khắc phục từng bước hậu quả của địch họa và thiên tai, nâng cao tiềm lực kinh tế và quốc phòng, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa, đáp ứng mọi yêu cầu chi viện cho tiền tuyến, xứng đáng là hậu phương của tiền tuyến anh hùng.

Theo phương châm *xây dựng kinh tế địa phương lớn mạnh, bảo đảm phát triển cân đối toàn diện, gắn bó chặt chẽ giữa nông nghiệp - công nghiệp - lưu thông phân phối* mà Đại hội Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ nhất đã đề ra, Tỉnh ủy đã lãnh đạo nhân dân tranh thủ các điều kiện thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, kịp thời chuyển hướng các mặt hoạt động; vừa tiếp tục chi viện tiền tuyến vừa khắc phục hậu quả của chiến tranh và thiên tai, đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa, ổn định đời sống. Nhìn chung sản xuất được giữ vững, có mặt phát triển, tiềm lực kinh tế được tăng cường, cơ cấu kinh tế đang chuyển biến theo chiều hướng tốt, nhất là từ cuối năm 1970 phong trào xuất hiện nhiều nhân tố mới đang trên đà đi lên.

Sản xuất nông nghiệp của năm 1969 đi vào toàn diện hơn cả về trồng trọt và chăn nuôi. Phong trào thâm canh,

nhất là cây lúa được đẩy mạnh, đồng đều giữa các vùng. Ngành nghề được phát triển, thực hiện chuyên canh một số cây công nghiệp bước đầu được chú ý, cả hai vụ chiêm mùa đều giành thắng lợi. Năng suất lúa ở các huyện trong tỉnh đều tăng khá, đặc biệt huyện Duy Tiên tăng hơn cả năm 1967 và dẫn đầu toàn tỉnh về năng suất vụ mùa. Năng suất hầu hết các loại hoa màu, cây công nghiệp đều cao hơn năm trước. Đã trồng được 16 triệu cây các loại. Tuy nhiên, so với bình quân 3 năm 1965

1967, diện tích gieo trồng chỉ bằng 95% và so với kế hoạch chỉ đạt 96,7%. Chăn nuôi giữ vững và phát triển với tổng đàn lợn đạt 445.429 con; nuôi ong được mở rộng với 1.150 đàn (có 300 đàn ong của hợp tác xã).

Từ vụ mùa năm 1970 địa phương đã phân đầu tư bổ sung vốn để mua giống mới có năng suất cao, từng bước giảm bớt tình trạng hụt về diện tích và tạo chuyển biến đi lên về năng suất và sản lượng lúa.

Vụ đông xuân 1970 - 1971, toàn tỉnh cấy 69% diện tích là giống lúa mới có năng suất cao và thực hiện một số biện pháp thâm canh, đã thu được thắng lợi lớn. Vụ mùa năm 1971 tuy gặp lũ lụt nặng nhưng vẫn đảm bảo 91,1% kế hoạch về diện tích. Vùng chuyên canh cây công nghiệp đang hình thành, diện tích và năng suất một số cây chính có tiến bộ. Trong chăn nuôi đã có một số hợp tác xã nuôi với quy mô từ 500 - 1.000 con, giá trị ngày công trong chăn nuôi tăng dần, thực hiện một bước cân đối giữa chăn nuôi với trồng trọt, mở ra triển vọng đưa chăn nuôi thành ngành chính. Kết quả thực hiện 5 mục tiêu trong nông nghiệp của các huyện thuộc khu vực Hà Nam :

LOẠI HUYỆN	SL thóc tạ/ha 2 vụ lúa			BQ con lợn/ha gieo trồng			BQ ha/lao động		
	1969	1970	1971	1969	1970	1971	1969	1970	1971
Duy Tiên	44,17	38,84	40,03	1,76	1,85	2,62	0,62	0,60	0,42
Kim Bảng	42,88	38,93	39,03	1,39	1,56	2,26	0,60	0,60	0,29
Thanh Liêm	42,15	41,40	40,18	1,45	1,50	1,40	0,75	0,71	0,54
Bình Lục	40,78	40,31	41,01	1,60	1,62	1,73	0,66	0,67	0,45
Lý Nhân	41,04	39,91	38,08	1,95	1,97	2,05	0,44	0,43	0,35

Nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, Đảng bộ chú trọng đến việc củng cố phong trào hợp tác xã và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp. Thông qua việc phổ biến và thi hành Điều lệ hợp tác xã bậc cao, tiến hành cuộc vận động phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng kết hợp chặt chẽ với cuộc vận động lao động sản xuất và nâng cao chất lượng đảng viên, phong trào hợp tác xã tiếp tục được củng cố. Đã thu hút 96,7% số hộ nông dân vào hợp tác xã, trong đó 93,3% hộ gia đình Quy mô hợp tác xã được mở rộng và ổn định (bình quân mỗi hợp tác xã có 372 hộ, 545 lao động, 164 ha canh tác và 168 ngàn đồng tiền vốn). Một số mặt của công tác quản lý lao động, ruộng đất, tài vụ có tiến bộ. Ý thức làm chủ của quần chúng trong lao động được nâng cao. Các đội sản xuất được củng cố theo hướng từng bước chuyên môn hóa. Vai trò tiên phong gương mẫu và trách nhiệm lãnh đạo của cán bộ, đảng viên được tăng cường. Tinh ưu việt của quan hệ sản xuất mới từng bước được phát huy trong sản xuất, phục vụ chiến đấu, chống thiên tai và

tổ chức đời sống. Cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp được xây dựng thêm và đang phát huy tác dụng. So với năm 1965 thì tài sản cố định năm 1971 tăng hơn 3 lần, tài sản lưu động tăng 2,7 lần. Các công trình đại thủy nông đang được phát huy và dần hoàn chỉnh. Hầu hết các hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ và có tổ rèn, mộc, người. Các hợp tác xã Trác Bút (Duy Tiên), Tân Lý (Lý Nhân) trở thành điển hình thâm canh khá; hợp tác xã Thanh Sơn (Thanh Liêm) là điển hình ở vùng chiêm trũng, bình quân ruộng đất cao.

Công nghiệp địa phương của tỉnh phần lớn được xây dựng và trưởng thành trong chiến tranh, quy mô tổ chức sản xuất và kinh doanh mang nặng tính chất tạm thời và phân tán đang được chuyển dần sang sản xuất tập trung. Mấy năm qua, Đảng bộ đã có nhiều cố gắng lãnh đạo khôi phục sản xuất, chỉ đạo việc di chuyển kết hợp với bố trí lại và mở rộng sản xuất ở nơi có điều kiện. Tuy còn nhiều khó khăn, bất hợp lý nhưng địa phương đã khắc phục được một phần tình trạng phân tán, không có lợi cho sản xuất và tăng cường quản lý kinh tế. Các cơ sở sẵn có đã phát huy tác dụng để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất phát triển ở cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể. So với năm 1967, giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương năm 1971 tăng 28,48%, được tập trung vào 2 hướng chiến lược: phục vụ sản xuất và đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng.

Trong nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngành cơ khí tuy có nhiều khó khăn, sản xuất không ổn định kéo dài nhưng vẫn kiên trì giữ vững vị trí của *mũi tiên công*, đi vào sửa chữa và đẩy mạnh sản xuất phụ tùng

thay thế. Mạng điện ở các huyện thuộc Hà Nam từng bước được cải tạo để phát huy tác dụng. Hệ thống sản xuất vật liệu xây dựng đã hình thành từ tỉnh đến hợp tác xã. Sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng đã khôi phục được nhiều mặt hàng cũ, từng bước đi vào khai thác nguồn nguyên liệu địa phương; tận dụng phế liệu, phế phẩm sản xuất thêm và cải tiến mặt hàng mới, góp phần làm cho mặt hàng tiêu dùng trên thị trường địa phương được phong phú. Cùng với việc tận dụng các cơ sở cũ, tỉnh đã xây dựng thêm một số xí nghiệp mới và thành lập thêm một số hợp tác xã tiểu thủ công để mở rộng thêm diện kinh doanh, tạo ra cơ cấu hợp lý cho công nghiệp địa phương.

Nhân rõ vị trí công tác giao thông, vận tải trong tình hình mới, Đảng bộ đã kịp thời chuyển hướng từ phục vụ chiến đấu là chủ yếu sang phục vụ kinh tế nhưng vẫn bảo đảm đầy đủ các yêu cầu của chiến trường; vừa động viên quần chúng khẩn trương khôi phục đường sá, cầu cống, bến bãi vừa đẩy mạnh sản xuất và sửa chữa phương tiện. Phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, cán bộ và công nhân đã lập được nhiều thành tích mới trên trận tuyến của mình. Trong năm 1969 đã đóng mới được 4.765 tấn phương tiện mới - trong đó có 11 sà lan thép, trọng tải 1.100 tấn và 3.601 tấn thuyền, cùng 1.825 xe cải tiến, 200 xe bò bánh lốp và sửa chữa 3.084 tấn thuyền, 170 tấn ô tô vận chuyển. Tổng khối lượng vận chuyển đạt 1.462.891 tấn. Nhiều mặt hàng chủ yếu và những hàng vận chuyển đột xuất (than, phân đạm, muối) đều được thực hiện tốt. Đã tập trung 2.000 tấn phương tiện phục vụ chống lũ đột xuất. Hầu hết các cầu đường bị bắn phá



trong chiến tranh đã được khôi phục (cầu Phủ Lý, cầu Sắt, cầu Hộ) và rải đá đường 62. Công tác giao thông nông thôn trở thành phong trào sôi nổi (30% số xã có phong trào khá toàn diện, 50% số xã khá nhiều mặt, 20% số xã có phong trào từng mặt), đào đắp thêm 1.790 km đường mới; cải tạo và sửa chữa 788 km đường cũ; xây 689 cầu mới; 25% hợp tác xã xây dựng được tổ vận tải.

Hai năm 1970 - 1971 ngành Giao thông đã giải quyết tốt khâu kỹ thuật, sản xuất thành công một số công trình mới như cầu treo lắp ghép, sà lan 150 tấn, làm thuyền xi măng lưới thép. Phong trào giao thông nông thôn được tiếp tục củng cố và phát triển, từ 16 xã khá năm 1968 lên 92 xã năm 1971. Các điển hình tốt vẫn được duy trì và phát huy (Trác Bút, Quang Sán, Liêm Cần) góp phần thiết thực phục vụ cho tăng năng suất lao động trong nông nghiệp.

Ngành Bưu điện đầu tư nhiều vào khôi phục, củng cố hệ thống đường dây; cải tiến bộ máy và chế độ quản lý của ngành; giữ vững thông tin liên lạc, đáp ứng được yêu cầu của chỉ đạo và phục vụ yêu cầu của nhân dân.

Công tác xây dựng cơ bản được đẩy mạnh, hướng vào phục vụ 3 mũi tiến công và dành ra một số vốn thích đáng để đầu tư vào các ngành văn hóa, y tế, giáo dục, hành chính sự nghiệp và nhà ở cho dân trở về thị xã, thị trấn. Trong năm 1969 lực lượng thiết kế, thi công của ngành lên tới 4.565 người, tăng gần gấp đôi so với năm 1968. Các huyện, các ngành sản xuất kinh doanh lớn đều đã tổ chức được lực lượng thi công và quản lý xây dựng. Việc đào tạo công nhân kỹ thuật bước đầu được chú ý. Tổng số vốn xây dựng cơ bản năm 1969 đạt 89,17% kế

hoạch, hoàn thành 604/797 công trình - trong đó đã đưa 304 công trình vào sử dụng. Riêng công nghiệp đã mở rộng 21 xí nghiệp cũ, trang thiết bị thêm cho 7 xí nghiệp cơ khí và tổng số thiết bị vượt kế hoạch 9,6%. Tính đến hết năm 1970, tổng mức đầu tư cho các công trình xây dựng cơ bản lên tới 71,6 triệu đồng (không tính vốn Trung ương đầu tư cho các công trình thủy lợi); tăng 57% so với ba năm có chiến tranh. Với số vốn trên đã xây dựng thêm 1.400 công trình xây dúc và đào đắp trung thủy nông, xây dựng mới 4 xí nghiệp, mở rộng và cải tạo 28 xí nghiệp, tăng thêm 3.454 tấn phương tiện vận tải thủy và bộ, mở rộng thêm 396 km đường điện, phục hồi và xây dựng được 15.000 m<sup>2</sup> nhà ở; 2.600 m<sup>2</sup> trường học; tăng thêm 1.084 giường bệnh.

Công tác tài mậu có nhiều chuyển biến tích cực. Từ năm 1969, công tác này bước đầu đã có chuyển hướng đi vào phục vụ nhiệm vụ xây dựng kinh tế địa phương. đẩy mạnh khai thác lâm sản ngoài tỉnh để giải quyết những khó khăn về vật tư của địa phương (3.500 m<sup>3</sup> gỗ; 126 ngàn cây luồng; 3,2 triệu cây nứa và 2.500 m<sup>3</sup> củi). Việc phục vụ đời sống có nhiều cố gắng góp phần ổn định xã hội (chế biến được 70% bột mì, bảo đảm các mặt hàng cung cấp theo định lượng). Một số mặt hàng vốn khan hiếm, đã đáp ứng được một phần như: đồ dùng gia đình, chiếu, bát, hoặc một số mặt hàng trước đây bán cung cấp nay bán bình thường như: dầu hỏa, khăn mặt, xà phòng.

Trên cơ sở mở rộng hoạt động của các ngành kinh tế - văn hóa và thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về khuyến khích sản xuất, khuyến khích lao động, tình hình lao động xã hội trong tỉnh đang

có chuyển biến tốt và lực lượng được phân bố lại. Một bộ phận lao động nông nghiệp được điều động để đáp ứng yêu cầu của quốc phòng và phát triển kinh tế - văn hóa. Số còn lại được phân bố theo hướng mở rộng kinh doanh ngành nghề và đẩy mạnh chăn nuôi của hợp tác xã (tỷ trọng chăn nuôi từ 1,95% năm 1967 lên 6,78% năm 1970). Lao động trong các ngành công nghiệp, giao thông, vận tải, lưu thông phân phối, văn hóa, giáo dục được tăng cường theo yêu cầu mới (công nghiệp tăng 24%, xây dựng cơ bản 600%, vận tải hàng hóa 14,3%, thương nghiệp ăn uống 12,7%, phục vụ sinh hoạt công cộng 44%, giáo dục, văn hóa 96,7%)

Năng suất lao động trong nhiều ngành kinh tế đã từng bước được nâng lên. So với năm 1968 năng suất lao động theo thu nhập quốc dân thì nông nghiệp tăng 8,31%; công nghiệp tăng 2,81%; giao thông, vận tải tăng 27,7%; thương nghiệp tăng 54%. Thu nhập bình quân 1 lao động từ 641 đ (1968) lên 682 đ (1971). Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật được chú ý. So với khi mới sáp nhập, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật năm 1970 tăng 55,21%, riêng cán bộ đại học tăng 164%.

Sư nghiệp giáo dục được nâng cao từng bước về số lượng, chất lượng. Phong trào thi đua 2 tốt noi gương các trường tiên tiến, kết hợp chặt chẽ giữa học tập và lao động, hướng theo mục tiêu đào tạo con người mới toàn diện đã có nhiều bước tiến đáng kể. Trường cấp II Bắc Lý, lá cờ đầu của ngành Giáo dục vẫn giữ vững truyền thống và phát huy.

Công tác y tế đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn trong việc khôi phục hệ thống bệnh viện tỉnh, huyện từng

bước đáp ứng yêu cầu bảo vệ và nâng cao sức khỏe của cán bộ, nhân dân. Công tác vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh. Việc sản xuất phân phối thuốc, kết hợp đông tây y và chất lượng chữa bệnh có tiến bộ. Phong trào trồng cây thuốc nam phát triển khá. Một số xã đã thực hiện được việc phát không một số thuốc thông thường cho nhân dân.

Kết hợp với phong trào thi đua lao động sản xuất củng cố hợp tác xã. Đảng bộ còn hết sức coi trọng việc giáo dục nâng cao lòng yêu nước, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong nhân dân, vai trò tiên phong gương mẫu của thanh niên trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự, đảm bảo tốt nhiệm vụ chỉ viên sức người cho tiền tuyến. Các đợt tuyển quân hàng năm bình quân đều vượt 4% chỉ tiêu được giao. Nhiều đơn vị bộ đội địa phương được xây dựng để tăng cường cho chiến trường với chất lượng khá; trong chiến đấu nhiều đơn vị và cá nhân đã lập được thành tích xuất sắc. Trong phong trào tổng quân, thanh niên vùng Thiên chúa giáo tham gia ngày càng đông đảo, thường chiếm từ 15 - 22% số quân giao; một số nơi trước đây ít người đi bộ đội đã có chuyển biến khá. Kết quả này đã góp phần thiết thực vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, thắt chặt thêm tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân lương giáo trong toàn tỉnh. Đảng bộ không ngừng chăm lo củng cố, xây dựng lực lượng quân sự địa phương và công an vũ trang. Dân quân tự vệ phát triển với số lượng bằng 10% dân số. Bộ đội địa phương được bổ sung. Trình độ chính trị, tư tưởng, chiến thuật và kỹ thuật được nâng lên, bước đầu phát huy tác dụng tốt trong lao động sản xuất, nhất là trong chống lũ lụt, giữ gìn trật tự an ninh, sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng phương an tác